

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK MIL - (NĂM 2022)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Công Nhị	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lê Trọng Việt	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Ngọc Bảo	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Phạm Bá Nhật Minh	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
5	Nguyễn Văn Pháp	Chủ tịch BCH công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Lê Anh Đức	Bí Thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
7	Ngô Thị Tâm	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Bách Khoa Vinh	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Ngô Quỳnh phi	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Hữu Thanh	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Thị Thủy	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
12	Mai Thị Lệ Thu	Văn Thư	Ủy viên Hội đồng	
13	Phan Thị Ngọc Diệu	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	
14	Trần Thị Oanh	Thư viện	Ủy viên Hội đồng	
15	Trần Thị Ngọc Lan	Y Tế	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

Stt	Nội dung	Trang
1	Mục lục	2
2	Danh mục các chữ viết tắt	4
3	Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
4	Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
5	Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
6	A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
7	B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
8	I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
9	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
10	Mở đầu	17
11	Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	17
12	Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	20
13	Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	22
14	Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	25
15	Tiêu chí 1.5: Lớp học	28
16	Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	30
17	Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	31
18	Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	36
19	Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	38
20	Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	40
21	<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	42
22	Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	44
23	Mở đầu	44
24	Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	44
25	Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	47
26	Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	49
27	Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	51
28	<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	53
29	Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	54
30	Mở đầu	54
31	Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	54
32	Tiêu chí 3.2: Phòng học	56

Stt	Nội dung	Trang
33	Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị	58
34	Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	59
35	Tiêu chí 3.5: Thiết bị	61
36	Tiêu chí 3.6: Thư viện	63
37	<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	64
38	Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	65
39	Mở đầu	65
40	Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	65
41	Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	69
42	<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	72
43	Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	73
44	Mở đầu	73
45	Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	74
46	Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	77
47	Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	80
48	Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	82
49	Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	83
50	Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	86
51	<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	90
52	II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	92
53	Tiêu chí 1	92
54	Tiêu chí 2	92
55	Tiêu chí 3	92
56	Tiêu chí 4	92
57	Tiêu chí 5	92
58	Tiêu chí 6	92
59	<i>Kết luận</i>	92
60	Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	93
61	Phụ lục 4: Bảng danh mục mã minh chứng	95

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Stt	Từ, cụm từ viết đầy đủ	Viết tắt
1	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	CB,GV,NV
2	Cán bộ quản lý	CBQL
3	Chiến lược phát triển giáo dục	CLPTGD
4	Cha mẹ học sinh	CMHS
5	Công nghệ thông tin	CNTT
6	Chiến sỹ thi đua	CSTĐ
7	Cơ sở vật chất	CSVC
8	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
9	Giáo viên chủ nhiệm	GVCN
10	Hội đồng kỷ luật	HĐKL
11	Hội đồng sư phạm	HĐSP
12	Hội đồng trường	HĐT
13	Hướng nghiệp - dạy nghề	HNDN
14	Hiệu trưởng	HT
15	Ngoài giờ lên lớp	NGLL
16	học sinh	CMHS
17	Phó hiệu trưởng	PHT
18	Phương pháp dạy học	PPDH
19	Tự đánh giá	TĐG
20	Thi đua khen thưởng	TĐKT
21	Trung học cơ sở	THCS
22	Trung học phổ thông	THPT
23	Trường học thân thiện - Học sinh tích cực	THTT-HSTC
24	Ủy ban nhân dân	UBND
25	Thanh niên Cộng sản	TNCS
26	Hội đồng Thi đua khen thưởng	HĐTĐKT

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5	X		
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 3

Phần I - CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN HƯNG ĐẠO**

Tên trước đây (nếu có): không

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông

Tỉnh	Đắk Nông	Họ và tên hiệu trưởng	Trần Công Nhị
Huyện	Đắk Mil	Điện thoại	02613740503
Thị trấn	Đắk Mil	Fax	02613740503
Đạt CQG	X	Website	http://c3tranhungdao.daknong.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	7/7/2004	Số điểm trường	
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022
Khối lớp 10	10	10	10	10	11
Khối lớp 11	10	10	9	10	9
Khối lớp 12	10	10	9	9	10
Cộng	30	30	28	29	30

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	39	39	39	39	39	
1	Phòng học	30	30	30	30	30	
<i>a</i>	Phòng kiên cố	30	30	30	30	30	
<i>b</i>	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
<i>c</i>	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	7	7	7	7	7	
<i>a</i>	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	
<i>b</i>	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
<i>c</i>	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	1	1	1	1	1	
<i>a</i>	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
<i>b</i>	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
<i>c</i>	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	10	10	10	10	10	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	

TT	Số liệu	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Ghi chú
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)						
	Cộng						

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	0	1	
Giáo viên	66	34	3	0	56	10	
Nhân viên	6	6	0	0	4	2	
Cộng	76	41	3	0	60	14	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

T T	Số liệu	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022
1	Tổng số giáo viên	71	71	70	70	68
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.36	2.36	2.53	2.53	2.44
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.06	0.06	0.06	0.06	0.056
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	68	70	70	70	70

T T	Số liệu	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	60	60	60	60	65
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1153	1144	1173	1182	1212	
	- Nữ	627	629	662	666	674	
	- Dân tộc	32	35	36	37	45	
	- Khối lớp 10	404	405	448	400	19	
	- Khối lớp 11	392	360	384	411	10	
	- Khối lớp 12	357	379	341	371	16	
2	Tổng số tuyển mới	406	406	439	430	449	
3	Học 2 buổi/ngày	1153	1144	1173	1183	1212	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	38.4	38.1	41.9	40.7	40.4	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100	100	100	100	100	
	- Nữ	100	100	100	100	100	
	- Dân tộc thiểu số	100	100	100	100	100	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	216	115	121	30	67	

TT	Số liệu	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Ghi chú
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	5	3	0	3	1	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách						
	- Nữ						
	- Dân tộc thiểu số						
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hoà nhập	0	0	0	0	0	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi (%)	14.17	11.94	12.50	21.32	20.05	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá (%)	48.22	49.37	47.55	44.92	40.92	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình (%)	31.46	33.75	35.58	29.27	31.03	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém (%)	1.34	1.07	1.39	0.93	1.48	

Số liệu	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt (%)	80.84	82.59	87.06	85.19	79.70	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá (%)	16.58	16.43	12.33	14.04	17.82	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình (%)	2.41	0.90	0.61	0.76	2.39	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu (%)	0.18	0.09	0.00	0.00	0.08	

Phần II - TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THPT Trần Hưng Đạo được thành lập theo quyết định số: 615/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2004 của UBND tỉnh Đắk Nông và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7/2004. Nhà trường nằm ở trung tâm thị trấn Đắk Mil là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện nên có được những thuận lợi về nhiều mặt, đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các doanh nghiệp trong và ngoài nhà nước đóng chân trên địa bàn.

Trong những năm qua cơ sở vật chất ngày càng được đầu tư trang bị theo hướng hiện đại. Đến nay, nhà trường đã có một cơ ngơi khang trang, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, trong đó khu công trình phục vụ cho hoạt động dạy và học: gồm 02 dãy phòng học ba tầng với 30 phòng; một dãy nhà 6 phòng học bộ môn trang bị các thiết bị thí nghiệm, thực hành; 01 phòng thư viện; 01 phòng truyền thống; 01 nhà thi đấu; 02 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo và sân chơi bãi tập khu giáo dục thể chất. Khu nhà hiệu bộ đảm bảo hoạt động chung của cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) và các đoàn thể. Khu nhà tập thể có 16 phòng ở nội trú cho giáo viên, học sinh (HS) và các công trình phụ trợ khác như nhà để xe, nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhà trường có chi bộ đảng với 39 đảng viên; các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên, Hội chữ thập đỏ hoạt động đạt hiệu quả tốt.

Năm học 2021 - 2022 tổng số CBGVNV nhà trường 74 người, trong đó có 3 lãnh đạo đã được bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý giáo dục, 65 giáo viên, 6 nhân viên hành chính. 100% CBGVNV đạt chuẩn trở lên, trong đó có 12 thạc sĩ. Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, nhân viên của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của xã hội, tích cực cải tiến đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), gắn bó với nhà trường, thực sự là một tập thể sư phạm đoàn kết, thống nhất trong việc thực hiện mục tiêu từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nhà trường vững mạnh toàn diện.

Công tác quản lý nhà trường được đặc biệt chú trọng. Lãnh đạo nhà trường đã quan tâm sâu sắc đến việc bồi dưỡng phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và chất lượng chuyên môn của đội ngũ CBGVNV; coi trọng công tác đào tạo, kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Về tài chính: Để thực hiện tốt nhiệm vụ, bên cạnh chủ yếu sử dụng ngân sách Nhà nước, nhà trường đã xây dựng nguồn quỹ cơ quan (hoạt động giữ xe, canteen, ...), thực hiện xã hội hóa giáo dục và thực hiện quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

Trong các năm qua nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được Thủ tướng chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Đắk Nông tặng

bằng khen và được nhận cờ thi đua dẫn đầu khối THPT. Nhà trường được công nhận là trường THPT đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2001 – 2010 (Quyết định số 1826/QĐ-UBND, ngày 25/11/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông). Chi bộ đảng nhà trường là tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, các đoàn thể trong nhà trường hàng năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Quy mô lớp học trong 5 năm gần đây luôn duy trì ổn định từ 28 đến 30 lớp, chất lượng học sinh đầu vào của nhà trường khá cao, phần lớn các em đều chăm ngoan, tích cực trong rèn luyện và học tập. Chất lượng giáo dục cho học sinh của nhà trường luôn được duy trì bền vững, tỉ lệ học sinh khá, giỏi luôn đạt trên 50 - 60%; tỉ lệ học sinh yếu kém giảm dần; tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá trở lên luôn đạt trên 98%; tỉ lệ tốt nghiệp THPT hằng năm đều đạt trên 99% và luôn được xếp ở tốp đầu trong toàn tỉnh; tỉ lệ học sinh đầu vào các trường đại học, cao đẳng hằng năm đạt trên 80%.

Trường THPT Trần Hưng Đạo từ ngày thành lập đến nay đã hơn 17 năm. Trong 17 năm qua tập thể sư phạm nhà trường qua các thế hệ không ngừng phấn đấu xây dựng nhà trường ngày càng lớn mạnh. Năm 2006 nhà trường được đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1413/QĐ/TTG ngày 31/10/2006); năm 2010 được công nhận trường THPT đạt chuẩn Quốc gia (Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 25/3/2010) của UBND tỉnh Đắk Nông; được Bộ Giáo dục – Đào tạo tặng bằng khen v/v đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” năm học 2009 - 2010 (Quyết định số 3402/QĐ-BGD&ĐT, ngày 16/8/2010); năm 2014 được công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 (Quyết định số 697/QĐ-SGDĐT ngày 25/7/2014); năm 2015 được công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia (Quyết định số 873/QĐ-SGDĐT ngày 17/6/2015); trong 5 năm qua trường luôn được cấp trên công nhận là "Tập thể lao động tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc năm học 2021 – 2022, được Thủ tướng chính phủ tặng cờ thi đua.

2. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình tự đánh giá

a. Thuận lợi

Sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Đắk Nông về công tác tự đánh giá (TĐG) chất lượng giáo dục;

Đội ngũ tham gia kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) nhà trường được tập huấn nội dung và nghiệp vụ, được cung cấp đủ tài liệu để thực hiện nhiệm vụ;

Được sự nhất trí cao của CBGVNV và học sinh trong việc tổ chức thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục trong nhà trường chu kỳ 2017 đến 2022.

b. Khó khăn

Nhiệm vụ chính của lực lượng thực hiện KĐCLGD là quản lý, giảng dạy và nhiều lúc tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng dài ngày nên việc đánh giá chất lượng giáo dục trong nhà trường bị gián đoạn, ảnh hưởng đến kế hoạch thực hiện.

Các thông tin, minh chứng từ trước đến nay chưa được lưu trữ khoa học nên việc thu thập tốn khá nhiều thời gian.

Một số thành viên lần đầu tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường

nên các thành viên trong Hội đồng (HĐ) tự đánh giá còn nhiều lúng túng ở nhiều khâu nhất là xử lý, sắp xếp thông tin, minh chứng, đánh giá các mặt mạnh, mặt yếu đảm bảo đúng nội hàm tiêu chí và yêu cầu của các chỉ số.

3. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra thực trạng của nhà trường từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu theo từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Quá trình tự đánh giá nhà trường đã thực hiện đảm bảo các yêu cầu cụ thể được quy định trong Thông tư 18/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng. Đó là quá trình các nhà trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nhân lực, CSVC cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó, tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng.

Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để trường cải tiến chất lượng, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường.

Tự đánh giá còn là một khâu quan trọng trong việc lập kế hoạch nâng cao chất lượng dạy và học của trường. Tự đánh giá giúp trường rà soát, tự xem xét thực trạng của trường, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch và hành động theo kế hoạch. Sau đó, tiếp tục rà soát, xem xét lại thực trạng và điều chỉnh mục tiêu theo hướng cao hơn.

4. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Quy trình Tự đánh giá của trường THPT Trần Hưng Đạo, gồm 7 bước được quy định tại Điều 23, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT:

- (1) Thành lập Hội đồng tự đánh giá
- (2) Lập kế hoạch tự đánh giá
- (3) Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng
- (4) Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí
- (5) Viết báo cáo tự đánh giá
- (6) Công bố báo cáo tự đánh giá
- (7) Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

5. Phương pháp tổ chức tự đánh giá

Trên cơ sở nắm vững các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo về tự đánh giá cơ sở giáo dục, các nhóm công tác tiến hành thu thập thông tin minh chứng, phân tích đối chiếu, so sánh với mức độ yêu cầu của từng tiêu chí và viết đánh giá tiêu chí theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá họp để thảo luận về những vấn đề nảy sinh và tổ chức chỉnh sửa các nội dung đánh giá tiêu chí và quyết định thông qua đề cương chi tiết đánh giá khi đạt 2/3 số thành viên nhất trí theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá viết dự thảo báo cáo tự đánh giá, lấy ý kiến đóng góp của CBGV, NV, học sinh và hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá. Sau đó làm hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch, huy động các nguồn lực, tập hợp các minh chứng cho quá trình tự đánh giá; tuyên truyền phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và nhân dân địa phương hiểu rõ mục đích, phạm vi của quá trình tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Sau khi tự đánh giá, nhà trường xem xét cụ thể các chỉ báo của từng tiêu chí, phát huy những nội dung đã được đánh giá đạt, xây dựng cụ thể kế hoạch cải tiến chất lượng cho những chỉ số chưa đạt hoặc đạt ở mức thấp. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành xem xét và đánh giá đầy đủ 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí; toàn bộ các tiêu chí được tự đánh giá ở mức 1, 2, 3 (không tự xem xét, đánh giá tiêu chí mức 4). Báo cáo tự đánh giá được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, chính xác và đầy đủ các yêu cầu nhiệm vụ trong các hoạt động của nhà trường: từ tổ chức, quản lý nhà trường; cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục của nhà trường liên quan đến toàn bộ các tiêu chí.

6. Công cụ tự đánh giá

Là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học gồm 05 tiêu chuẩn; 28 tiêu chí theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp”.

7. Kết quả tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục trường THPT Trần Hưng Đạo thống nhất đánh giá: 5 tiêu chuẩn; 28 tiêu chí đều đạt.

Những vấn đề nổi bật trong báo cáo Tự đánh giá: báo cáo được trình bày lần lượt theo từng mức độ của từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo Tự đánh giá còn đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và đặc biệt một nội dung rất quan trọng, rất cần thiết trong mỗi tiêu chí đó là kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi cao.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Hiểu rõ sứ mệnh lịch sử và những nhiệm vụ mà nhà trường cần phải đạt được trong quá trình GDĐT; Trường THPT Trần Hưng Đạo đã tiến hành xây dựng và bổ sung “Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 - 2020; 2020 – 2025 tầm nhìn đến năm 2030”. Tính đến nay, hầu hết các chỉ số thực hiện theo kế hoạch của chiến lược, trong đó đặc biệt là các chỉ số về số lượng, chất lượng, quy mô phát triển, cơ cấu tổ chức, đầu tư trang thiết bị, CSVC đều đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra; Năm 2020 cũng là năm cuối thực hiện chiến lược đề ra, nhà trường đang rà soát toàn bộ nội dung, qua đó đánh giá những mặt đạt được và mặt hạn chế, trên cơ sở đó tiếp tục có kế hoạch chiến lược phát triển đến năm 2025 và tầm nhìn của nhà trường đến năm 2030.

Trường được thành lập từ năm 2004 với bộ máy hoạt động được xây dựng gọn nhẹ, đảm bảo đầy đủ các tổ chức, đoàn thể phù hợp với năng lực sở trường của từng CBGVNV nên mọi công việc được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả. Trường có cơ cấu tổ chức đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học, có đủ giáo viên dạy các môn học cơ bản và giáo viên chuyên trách dạy các môn năng khiếu, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập và đi vào hoạt động có nề nếp, các tổ trưởng đều là những người có kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành hoạt động của tổ.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội đồng trường, các đoàn thể, các tổ chức khác trong nhà trường và tổ chuyên môn hoạt động có nề nếp; cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Trần Hưng Đạo đã được công nhận trường đạt chuẩn năm 2010, công nhận lại năm 2015 và đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 năm 2015 (theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012 và Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT). Từ khi được công nhận trường chuẩn Quốc gia, qua gần 10 năm phấn đấu, đến nay nhà trường đã từng bước tự khẳng định mình, chất lượng giáo dục và các hoạt động giáo dục đào tạo khác được nâng cao rõ rệt, thể hiện đầy đủ những mục tiêu và nội dung trong “Chiến lược phát triển giáo dục (CLPTGD) giai đoạn 2015 - 2020”, giai đoạn 2010 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã nêu rõ thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được và những cơ hội thách thức cũng như mục tiêu phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2015 - 2020 và giai đoạn 2020 - 2025 phù hợp với phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và thực tế của nhà trường, đó là đào tạo học sinh có đức, có tài, có kiến thức cơ bản để vận dụng kiến thức vào cuộc sống tương lai, vào lao động phù hợp với ngành nghề nông lâm nghiệp chất lượng cao công nghiệp và dịch vụ du lịch ở địa phương đang phát triển.

Kế hoạch CLPTGD nhà trường giai đoạn 2015 - 2020 và giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định rõ định hướng mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của hiệu trưởng, ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường THPT Trần Hưng Đạo là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện tốt kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo nhà trường giai đoạn 2015 – 2020, giai đoạn 2020 - 2025 nhằm phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế. CLPTGD 2015 – 2020 và 2020 - 2025 nhằm quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, định hướng đổi mới giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà trường có Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành; có sở Nghị quyết của nhà trường và Hội đồng trường [H1-1.1-01];

b) Kế hoạch CLPTGD được xác định rõ ràng bằng văn bản giai đoạn 2015 – 2020, giai đoạn 2020 - 2025 và đã được sở GD&ĐT Đắk Nông phê duyệt [H1-1.1-03].

Nội dung CLPTGD do nhà trường xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT được quy định theo khoản 3, Điều 27, Luật Giáo dục (2005): Giáo dục THPT nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục THCS; có học vấn phổ thông ở trình độ THPT và những hiểu biết về kỹ thuật và hướng nghiệp để

tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động, đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

c) CLPTGD của nhà trường đã được xây dựng từ Hội nghị liên tịch, trên cơ sở chuẩn bị của Ban giám hiệu và được thông qua thảo luận góp ý của toàn HĐSP nhà trường. Chiến lược phát triển được đăng tải trên trang Web nhà trường, niêm yết tại phòng hội đồng giáo viên nên chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường được HĐSP theo dõi và nhận được sự góp ý thường xuyên [H1-1.1-04].

Mức 2:

CLPTGD được Hội đồng trường (HĐT), Ban kiểm tra nội bộ cũng như toàn thể các thành viên trong nhà trường, các cấp của địa phương, ngành cấp trên luôn giám sát và góp ý để thực hiện có hiệu quả cao. Nhà trường có các văn bản của các cấp có thẩm quyền, hội đồng trường trong việc đánh giá, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, Biên bản họp Hội đồng, họp tổ bộ môn, văn bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh, giám sát việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.1-02], [H1-1.4-05].

Mức 3:

Hàng năm CLPTGD được tiếp tục cụ thể hóa và bổ sung nội dung cho phù hợp với thực tế xã hội và sự phát triển của nhà trường như: biện pháp giáo dục hạnh kiểm cho học sinh trong xu thế phát triển của địa phương, định hướng để giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, có biện pháp nâng cao chất lượng học sinh có năng khiếu, thi đỗ vào trường đại học, cao đẳng top đầu, hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Việc bổ sung này được tất cả thành viên trong hội đồng giáo dục tham gia và nhất là có sự chia sẻ của cán bộ, giáo viên đã nghỉ công tác, các bậc tâm đắc với ngành góp ý. Nhà trường có các biên bản làm việc với cha mẹ học sinh, Hội đồng trường về các nội dung bổ sung liên quan [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

- Nội dung chiến lược phát triển của trường THPT Trần Hưng Đạo đã phản ánh khá đầy đủ bối cảnh và thực trạng nhà trường, những mặt mạnh, mặt yếu, thời cơ và thách thức cũng như kế hoạch cải tiến chất lượng; chiến lược đi sâu phân tích các mục tiêu chiến lược của đơn vị giai đoạn 2015 - 2020 và 2020 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 là xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường đầy đủ, đảm bảo cho sự phát triển giáo dục của nhà trường trong giai đoạn mới, nâng cao chất lượng giáo dục hai mặt hạnh kiểm và học tập, mũi nhọn và đại trà; trên cơ sở đó, xây dựng các giải pháp chiến lược, chương trình hành động phù hợp với tình hình đơn vị, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chiến lược phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) nhà trường, cha mẹ học sinh nên đã phát huy được trí tuệ của tập thể.

- Các mục tiêu trong chiến lược phát triển có tính khả thi và đã mang tính định hướng rõ rệt cho sự phát triển của nhà trường trong những năm vừa qua; nó sát với thực tế của nhà trường và phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT, đảm bảo được

yêu cầu đổi mới của giáo dục và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của nhà trường và cập nhật được những yêu cầu mới của nền giáo dục tiên tiến.

3. Điểm yếu

- Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015 – 2020, 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã phổ biến rộng rãi trong nhân dân nhưng một bộ phận nhân dân chưa nắm chắc được nội dung của chiến lược, chưa có sự quan tâm hỗ trợ cho sự phát triển của nhà trường theo định hướng đã được nêu vì họ nghĩ đây là công việc của nhà trường, của sở GD&ĐT.

- Một số kế hoạch dài hạn và kế hoạch phối hợp đôi lúc xây dựng còn bị trùng lặp. Ban giám hiệu nhà trường đã có rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược nhưng còn chậm so với chiều hướng phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Năm 2021, nhà trường tiến hành tổ chức đánh giá việc thực hiện chiến lược trong 5 năm qua, trên cơ sở đó huy động mọi tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Bên cạnh đó, tăng cường phổ biến và lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các lực lượng xã hội, địa phương và các nhà giáo có kinh nghiệm về chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường. Hội đồng trường tăng cường công tác giám sát, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường. Triển khai kịp thời những chủ trương, chính sách, các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động và phạm vi trách nhiệm của công chức, viên chức ngành giáo dục.	Toàn trường	Năm học 2021 - 2022		
Trong những năm tiếp theo, thông qua các lần họp CMHS, hiệu trưởng tiếp tục phổ biến chiến lược phát triển của nhà trường để mọi người đóng góp ý kiến và hiểu được sự định hướng phát triển của nhà trường, từ đó có sự đóng góp hỗ trợ cho nhà trường; định kỳ tổ chức đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển	HT	Hàng năm		

để rút ra những bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành; đồng thời bổ sung, điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thực tiễn.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kì rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Các Hội đồng được thành lập hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Hội đồng trường (HĐT) hoạt động phù hợp với Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (*được quy định tại Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*) căn cứ cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng trường, hiệu trưởng tổng hợp danh sách nhân sự do tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu, làm tờ trình đề nghị Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ra quyết định thành lập. Hằng năm, nếu có yêu cầu đột xuất về việc thay đổi nhân sự, hiệu trưởng làm văn bản đề nghị người có thẩm quyền ra quyết định bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường. Hội đồng trường THPT Trần Hưng Đạo do thầy Hiệu trưởng Trần Công Nhị làm Chủ tịch và các tổ chức đoàn thể, tổ trưởng chuyên môn làm thành viên. Ngoài HĐT nhà trường còn có các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng (HĐTĐKT), Hội đồng kỷ luật (HĐKL), Hội đồng tư vấn học sinh, Hội đồng nâng lương, ...được thành lập theo quy định tại Điều 12 Điều lệ trường trung học [H1-1.2-01];

b) Theo quy định tại Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020, HĐT là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của nhà trường, có quyền hạn: Quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường; Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của nhà trường, của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của Nhà trường. HĐT và các Hội đồng khác trong thời gian qua sinh hoạt theo định kỳ hoặc đột xuất để giám sát, rà soát việc thực hiện các nghị quyết của nhà trường với các chủ trương của HĐT nhằm đánh giá, điều chỉnh, bổ sung các nội dung và biện pháp thực hiện. Các sinh hoạt này được tiến hành ở Hội đồng và được bàn bạc ở cuộc họp liên tịch, cuộc họp Hội đồng giáo viên hoặc có những cuộc họp đột xuất để xem xét các vấn đề của giáo viên, học sinh khi có tình huống xảy ra.

HĐT đã giám sát việc triển khai thực hiện các quyết nghị của nhà trường; thông qua Ban Giám hiệu và lãnh đạo các đơn vị, tổ chức đoàn thể của trường với tư cách là thành viên của Trường để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn;

c) HĐT hoạt động có hiệu quả, mỗi năm họp 3 lần, khi có việc đột xuất hoặc khi có 2/3 thành viên hội đồng yêu cầu. Tại các cuộc họp, các thành viên trong hội đồng cùng nhau thảo luận, phân tích những nguyên nhân, hạn chế của các kết quả đạt được đồng thời cũng đưa ra những ý kiến đóng góp nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đồng thời hội đồng trường cũng định kì rà soát và đánh giá lại các hoạt động đã thực hiện được, chưa được. Cuối mỗi năm học, hội đồng thi đua khen thưởng họp để bình xét thi đua cho nhà trường, cho CBGVNV và cho học sinh [H1-1.2-03], [H2-2.1-06].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng thi đua khen thưởng (HĐTĐKT), Hội đồng kỷ luật (HĐKL), Hội đồng thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, Hội đồng tư vấn học sinh, Hội đồng nâng lương... trong nhiều năm qua và được thể hiện qua các báo cáo sơ kết, tổng kết rất có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Nội dung sinh hoạt của các hội đồng nêu trên góp phần quan trọng trong việc thực hiện CLPTGD của nhà trường và nâng cao hiệu quả giáo dục [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Các Hội đồng của nhà trường đã hoạt động hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Các kế hoạch được triển khai kịp thời, cụ thể, có kiểm tra, rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm.

- Các Hội đồng nêu trên có nhiều thành viên dám nói, góp ý kiến rất tích cực để cung cấp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cấp trên giao cho. Phần lớn các thành viên trong các hội đồng đều đạt các danh hiệu thi đua và giáo viên dạy giỏi nhiều năm nên có uy tín trong đồng nghiệp.

- Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện đúng quy định, rõ ràng, công khai, minh bạch.

3. Điểm yếu

Các thành viên do kiêm nhiệm nên một số chưa thật sâu sát với trách nhiệm. Chất lượng hoạt động của một vài thành viên còn hạn chế ở một số mặt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, người đứng đầu các tổ chức tham gia tập huấn các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công	HT, người đứng đầu	Hàng năm	Kinh phí chi	

tác kiêm nhiệm, đẩy mạnh công tác tự nghiên cứu, tự học hỏi, giao lưu với các tổ chức ở đơn vị bạn để học hỏi kinh nghiệm.	các tổ chức		thường xuyên	
Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến và lấy ý kiến đóng góp trong hội đồng sư phạm và học sinh.	Nhà trường	Thường xuyên		
Giao cho phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chỉ đạo, tổ chức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm về vai trò cũng như trách nhiệm cho các thành viên của từng hội đồng và trong hội đồng sư phạm. Cùng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các thành viên trong hội đồng để đảm bảo hiệu quả của công việc được giao.	PHT phụ trách chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn	Hàng năm		
Giao cho bộ phận kế toán tham mưu về công tác tài chính khi nhà trường chỉ đạo các cuộc thi giáo viên dạy giỏi các cấp và các cuộc thi khác.	HT, kế toán	Hàng năm	Kinh phí chi thường xuyên	
Huy động các nguồn lực để đảm bảo các Hội đồng khi được thành lập hoạt động đạt hiệu quả cao nhất.	HT, người đứng đầu các hội đồng	Hàng năm		
Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân và công đoàn thực hiện việc giám sát công tác thi đua khen thưởng và các hoạt động.	Người đứng đầu các hội đồng	Thường xuyên		

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổ chức Công đoàn hoạt động theo Luật Công đoàn. Ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ, Công đoàn nhà trường đã tiến hành Đại hội và được Công đoàn ngành Giáo dục ra Quyết định công nhận BCH Công đoàn nhà trường.

Nhà trường có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo Điều lệ. Đầu mỗi năm học, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường đã tiến hành Đại hội và được BCH huyện Đoàn Đắk Mil ra Quyết định công nhận BCH Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường THPT Trần Hưng Đạo có 30 chi đoàn trực thuộc; BCH Đoàn trường gồm 15 đồng chí [H1-1.3-02];

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có kế hoạch hoạt động theo từng năm học. Thường xuyên có báo cáo kết quả triển khai các hoạt động với Công đoàn ngành và BCH huyện đoàn Đắk Mil [H1-1.3-03];

c) Các hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được rà soát, đánh giá định kỳ thông qua báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết hằng năm [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Từ khi thành lập đến nay Chi bộ nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định đến nay chi bộ có 39 đảng viên. Trong đó có 01 bí thư, 01 phó bí thư và 03 chi uỷ viên; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường có 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-01], [H1-1.3-05];

b) Tổ chức Công đoàn liên tục là công đoàn vững mạnh được Liên đoàn Lao động tỉnh Đắk Nông, Công đoàn giáo dục Việt Nam tặng bằng khen. Công đoàn nhà trường luôn là tổ ấm, giúp đỡ tinh thần và vật chất cho đoàn viên. Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn đạt danh hiệu vững mạnh, hoạt động rất hiệu quả trong việc thực hiện hoạt động giáo dục cho học sinh nhiều năm liền là đơn vị được tặng giấy khen, bằng khen của Huyện đoàn, Tỉnh đoàn, Hội Chữ thập đỏ, Hội khuyến học thực hiện khá tốt việc giúp đỡ học sinh khó khăn về kinh tế, kịp thời vận động, động viên học sinh gặp bệnh hiểm nghèo, khen thưởng học sinh học tập và hoạt động tốt thông qua các cuộc vận động. Ban đại diện CMHS thực sự là tổ chức năng động bao gồm

những người thực sự quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, đã đóng góp đáng kể cho nhà trường [H1-1.3-06].

Mức 3:

a) Chi bộ nhà trường hoạt động theo đúng quy định; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường có 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05];

b) Các tổ chức nhà trường tích cực đóng góp hiệu quả vào hoạt động của nhà trường; được tổ chức cấp trên luôn đánh vững mạnh xuất sắc.

Công đoàn trường THPT Trần Hưng Đạo hoạt động dưới sự lãnh đạo của Chi bộ nhà trường và Công đoàn ngành giáo dục Đắk Nông, đã tổ chức các hoạt động và hội họp theo đúng quy định. Nổi bật nhất là các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ đoàn viên vượt khó khăn hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh đó Công đoàn cơ sở nhà trường đã tham gia quản lý nhà trường, tổ chức các cuộc vận động, thúc đẩy các hoạt động chuyên môn, giúp đoàn viên định hướng tốt trong công tác để đảm bảo thực thi tốt pháp luật và nội dung các cuộc vận động, tham gia và hoàn thành nhiệm vụ của Công đoàn và nhà trường [H1-1.3-06].

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với nhiệm vụ của tổ chức Đoàn cấp trên và duy trì tốt nền nếp sinh hoạt định kỳ. Bí thư Đoàn thanh niên trực tiếp hướng dẫn, tổ chức cho các chi đoàn trong nhà trường hoạt động theo kế hoạch, phù hợp với Nghị quyết Chi bộ và kế hoạch của nhà trường [H1-1.3-06].

2. Điểm mạnh

- Chi bộ đảng là hạt nhân lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường, luôn bám sát chủ trương của cấp trên, trực tiếp lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường, vai trò của chi bộ được nâng cao trong hệ thống chính trị trong nhà trường.

- Công đoàn là cầu nối giữa nhà trường với đội ngũ, mọi chủ trương hoạt động của nhà trường đều được công đoàn vận động, giải thích, khích lệ đội ngũ tham gia tích cực, mặt khác các nguyện vọng đề xuất của đoàn viên công đoàn đều được lắng nghe, những vấn đề nào hợp lý luôn được đưa ra hội đồng sư phạm thảo luận giải quyết, mọi chế độ của đội ngũ được giải quyết dứt điểm kịp thời.

- Đoàn thanh niên là tổ chức gắn kết giữa nhà trường với các em học sinh, mọi chủ trương của nhà trường cũng như các đoàn thể từ cấp trên thông qua sinh hoạt hàng tuần được triển khai đến tận các em và ngược lại, các nguyện vọng của các em thông qua anh chị phụ trách được phản ánh đến nhà trường để giải quyết. Đoàn thanh niên thường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong các tiết chào cờ, các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp bằng những nội dung sinh hoạt chủ đề, thi tìm hiểu Pháp luật, an toàn giao thông, các cuộc thi kiến thức về môi trường, nói không với các tệ nạn xã hội, nên đã góp phần vào việc giáo dục đạo đức, nhân cách và hình thành kỹ năng sống cho học sinh.

- Các kế hoạch được triển khai kịp thời, cụ thể, có kiểm tra, rà soát, đánh giá

và rút kinh nghiệm, được cấp trên ghi nhận khen thưởng, đánh giá cao.

3. Điểm yếu

Một vài đảng viên trẻ còn khá rụt rè, tinh thần phê và tự phê chưa cao.

Thành viên trong tổ chức đều làm kiêm nhiệm nên việc thực hiện chức năng của mình còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Trong Nghị quyết chi bộ tiếp tục bổ sung một số vấn đề mới trong chỉ đạo của các cấp để đảng viên nhanh chóng nắm bắt nhiệm vụ, phương pháp giáo dục mới. Tăng cường hơn nữa vai trò của bộ máy nhà trường, các tổ chức đoàn thể; để giữ vững tổ chức Đoàn vững mạnh xuất sắc, chi bộ, nhà trường luôn tạo điều kiện và phát huy vai trò của đoàn viên giáo viên hỗ trợ các hoạt động của các chi đoàn. Kết nạp đảng viên mới hàng năm từ 1 đến 2 đồng chí.	Chi bộ, Đoàn thanh niên	Hàng năm		
Đề xuất với các đoàn thể cấp trên có sự đổi mới trong nội dung sinh hoạt, không cứng nhắc, chung chung.	Đoàn thanh niên	Thường xuyên		
Tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của Ban đại diện CMHS, Hội khuyến học, Hội Chữ thập đỏ...	Các Ban, Hội..	Thường xuyên		
Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của Chi bộ Đảng đối với các tổ chức đoàn thể, nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể, tổ chức khác góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chung của nhà trường. Tăng cường đẩy mạnh việc “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; phòng, chống nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng; phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường để phối hợp, nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường về mọi mặt.	Chi bộ, Đảng viên, giáo viên, nhân viên	Thường xuyên		

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022, trường THPT Trần Hưng Đạo có số lượng 28 đến 30 lớp học và được xếp vào trường loại I theo quy định trong điều lệ nhà trường. Trường được Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông ra quyết định bổ nhiệm 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng Trần Công Nhị được điều động và bổ nhiệm năm 2015 và bổ nhiệm lại năm 2020, Phó hiệu trưởng Nguyễn Ngọc Bảo được bổ nhiệm năm 2017, Phó hiệu trưởng Lê Trọng Việt được bổ nhiệm năm 2020.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được bổ nhiệm theo đúng qui trình. Hiệu trưởng nhiệm kỳ là 5 năm và bổ nhiệm lại nhưng không quá 2 nhiệm kỳ trong cùng một đơn vị. Phó hiệu trưởng được hiệu trưởng phân công công việc theo năng lực. Trước khi bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ quan cấp trên đều có chỉ đạo cho các trường giới thiệu cá nhân được tin nhiệm thông qua phiếu bầu của Hội đồng sư phạm và tham khảo ý kiến của địa phương. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tham gia sinh hoạt cùng với từng tổ chuyên môn [H1-1.4-01];

b) Tổ chuyên môn và tổ Văn phòng được thành lập và có cơ cấu theo quy định. Tổ chuyên môn theo quy định tại Điều 14, Điều lệ trường trung học; tổ Văn phòng theo quy định tại Điều 15, Điều lệ trường trung học.

Các thành viên trong mỗi tổ là những giáo viên bộ môn liên quan và tổ Văn phòng (nhân viên) riêng các giáo viên kiêm nhiệm phòng bộ môn sinh hoạt với tổ của mình. Hiệu trưởng tham gia sinh hoạt tổ Ngữ văn, Phó hiệu trưởng Nguyễn Ngọc Bảo tham gia sinh hoạt tổ Vật lí – Hoá học – Công nghệ, Phó hiệu trưởng Lê Trọng Việt tham gia sinh hoạt tổ Địa lí – Thể dục – Giáo dục Quốc phòng an ninh. Hàng năm hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, phó tổ trưởng sau khi các thành viên ở tổ tín nhiệm giới thiệu lên [H1-1.4-02];

c) Ngay từ đầu năm học, dựa vào nhiệm vụ năm học, các tổ chuyên môn lập kế hoạch cho cả năm học và từng đợt thi đua với các nội dung cụ thể nhằm bồi dưỡng năng lực sư phạm, nghiệp vụ cho giáo viên bằng các chuyên đề, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong chuyên môn thông qua sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, tổ chức hội thảo, hội giảng, hội thi giáo viên dạy giỏi... nhằm vừa phát huy năng lực cá nhân vừa là đề đồng nghiệp học hỏi, có sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm. Mỗi tổ chuyên môn có nhiều nhóm chuyên môn theo bộ môn của mình và sinh hoạt 2 lần trong tháng nhằm thống nhất mục tiêu bài dạy, phương pháp dạy học, yêu cầu nội dung bài kiểm tra, sinh hoạt các chuyên đề chuyên môn, thống nhất soạn kế hoạch dạy học mới [H1-1.4-03].

Tuy nhiên do các tổ chuyên môn được thành lập trên cơ sở nhiều bộ môn học khác nhau cùng sinh hoạt trong một tổ, nên việc triển khai các nội dung chuyên môn ở các bộ môn trong sinh hoạt đôi khi chưa đủ thời gian và chưa được sâu sắc.

Tổ Văn phòng bao gồm nhân viên có nhiệm vụ khác nhau: Thư viện, văn thư, kế toán, bảo vệ, tạp vụ. Mỗi thành viên có kế hoạch riêng hoạt động độc lập theo đặc trưng riêng của mỗi bộ phận đảm bảo theo đúng qui định Điều lệ trường trung học, với nhiệm vụ rà soát, kiểm tra, bổ sung các thiết bị, tài sản phục vụ chuyên môn được thực hiện thường xuyên trong mỗi năm nhằm đảm bảo hoạt động dạy học của nhà trường. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thường xuyên báo cáo sơ kết, tổng kết định kỳ, qua đó trao đổi, đóng góp ý kiến cho nhà trường trong nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Trên cơ sở nhiệm vụ năm học của nhà trường, mỗi tổ chuyên môn đều tiến hành xây dựng hai chuyên đề (trong một năm học) cụ thể về dạy và học, chuyên đề này được bàn bạc thảo luận, thực hiện trong tổ để rút kinh nghiệm. Các chuyên đề được thể hiện cụ thể trong tiết dạy minh họa và được vận dụng trong quá trình dạy học [H1-1.4-06];

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng luôn được rà soát, bổ sung điều chỉnh nội dung cho phù hợp các văn bản chỉ đạo mới và tình hình cụ thể của nhà trường và được Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đóng góp tổ chuyên môn và tổ Văn phòng trong nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường [H1-1.4-04], [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Các nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn và tổ Văn phòng tuân thủ nghiêm ngặt theo chỉ đạo của cấp trên và đi vào trọng tâm chuyên môn, mặt khác xuất phát từ thực

tế của đội ngũ và học sinh, cũng như qua việc kiểm tra, đánh giá của các cấp lãnh đạo, nên việc bổ sung các biện pháp để nâng cao chất lượng được làm thường xuyên nên rất hiệu quả;

b) Các chuyên đề ở tổ chuyên môn được xây dựng từ thực tế của nhà trường nên các nội dung, biện pháp, tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm của đội ngũ và học sinh góp phần làm cho chất lượng giáo dục được tăng lên rõ rệt [H1-1.4-04], [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

- Ban giám hiệu năng nổ, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, xây dựng kế hoạch hoạt động và cơ cấu tổ chức các tổ phù hợp với yêu cầu công tác.

- Đội ngũ tổ trưởng có trách nhiệm cao, rất nhiệt tình, tiếp cận nhanh với các biện pháp dạy học tiên tiến, các nội dung kế hoạch của năm học được xây dựng sâu sát với đặc thù riêng của tổ và thực sự đi sâu vào nhiệm vụ chính. Việc sắp tổ theo nhóm chuyên môn phù hợp với việc dạy học và sinh hoạt theo quy định.

- Các nhân viên ở tổ Văn phòng được phân công đúng với nghiệp vụ được đào tạo, tinh thần trách nhiệm cao, luôn tham mưu với hiệu trưởng để hoàn thiện công việc của mình góp phần lớn trong việc xây dựng nhà trường.

3. Điểm yếu

- Tổ chuyên môn được thành lập trên cơ sở nhiều bộ môn học khác nhau, nên việc triển khai các nội dung chuyên môn và nâng cao chất lượng sinh hoạt còn gặp khó khăn.

- Nhà trường còn thiếu giáo viên thiết bị theo quy định nên việc quản lý, sử dụng đôi khi chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các tổ trưởng tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng năng lực quản lý, trình độ chính trị, chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ quản lý từ tổ đến nhà trường, đáp ứng với yêu cầu phát triển giáo dục. Nhà trường tiếp tục phát huy thế mạnh về sự đồng bộ, sự phù hợp về cơ cấu tổ chức để chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ của nhà trường trong những năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các tổ trưởng.	Thường xuyên.	Kinh phí chi thường xuyên, cá nhân.	
Tiếp tục chỉ đạo tốt việc sinh hoạt nhóm chuyên môn, phù hợp với từng bộ môn là cơ sở để nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn. Lãnh đạo nhà trường tăng	Các PHT, tổ trưởng, nhóm trưởng	Thường xuyên.		

cường kiểm tra nền nếp, sinh hoạt của tổ chuyên môn, xây dựng các chuyên đề chuyên môn phù hợp với nâng cao tay nghề giảng dạy đáp ứng với yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.				
Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các đợt tập huấn nghiệp vụ và nâng cao năng lực của bản thân, thường xuyên kiểm tra và đề nghị cấp trên kiểm tra năng lực nghiệp vụ cho tổ văn phòng.	Nhân viên.	Theo kế hoạch của cấp trên		
Duy trì tốt nền nếp sinh hoạt bằng cách soạn bài theo hướng nghiên cứu bài học.	Giáo viên			
Hiệu trưởng tăng cường kiểm tra việc thực hiện các loại hồ sơ của tổ để có cơ sở đánh giá thi đua.	HT, các tổ chuyên môn	Thường xuyên		
Nâng cao hơn nữa vai trò tổ trưởng tổ Văn phòng để việc điều hành và giải quyết công việc của tổ được kịp thời và hiệu quả.	Tổ trưởng Văn phòng	Thường xuyên		
Tăng quyền tự chủ cho các tổ chuyên môn, có cơ chế đãi ngộ và bảo vệ đối với các tổ mạnh dạn đổi mới “dám làm, dám chịu trách nhiệm”.	Tổ chuyên môn	Thường xuyên	Kính phí chi thường xuyên, các nguồn thu hợp pháp khác.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 lớp (Bốn mươi lăm lớp). Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 lớp (Bốn mươi lăm lớp). Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 45 học sinh (Bốn mươi lăm học sinh), lớp tiểu học có không quá 35 học sinh (Ba mươi lăm học sinh). Số học sinh trong theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Nhà trường có đủ các lớp của cấp học, từ năm học 2017 – 2018 đến nay nhà trường luôn duy trì số lớp từ 28 đến 30 lớp. Hằng năm nhà trường tuyển mới học sinh giao động từ 400 – 450 em [H1-1.5-01];

b) Bình quân mỗi lớp học dao động trên dưới 40 em, trong mỗi lớp, học sinh được phân chia thành 4 tổ, học sinh mỗi tổ thường ở địa bàn gần nhau để dễ dàng hỗ trợ với nhau trong học tập. Mỗi liên hệ phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với CMHS luôn gần gũi để cùng chăm lo giáo dục nhân cách học sinh. Giáo viên chủ nhiệm tổng hợp đầy đủ thông tin về lớp, có sổ gọi tên, ghi điểm [H1-1.5-02], [H1-1.5-03];

c) Trong lớp học có 1 lớp trưởng, 4 lớp phó do học sinh bầu chọn trong từng năm học và có thay đổi khi cần thiết, chịu trách nhiệm phong trào của lớp cùng với GVCN. Các tổ học sinh có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó chịu trách nhiệm phong trào của mỗi tổ. GVCN chỉ là người gợi ý, hướng dẫn và kết luận. Trong quá trình sinh hoạt, học tập, học sinh có quyền nêu lên ý kiến nguyện vọng của mình, các đề xuất với lớp, GVCN, nhà trường có biên bản họp lớp cụ thể. Ngoài ra thông qua Ban chấp hành Đoàn thanh niên đã bố trí thùng thư góp ý nhằm đề đạt mong muốn chung của tập thể lớp, về phong trào, về hoạt động trải nghiệm [H1-1.5-02].

Mức 2:

Nhà trường có 30 lớp, sĩ số học sinh trong một lớp trung bình là 42 học sinh (theo quy định của Điều lệ trường THPT và Quy chế tổ chức hoạt động trường THPT Trần Hưng Đạo); đã được Sở GD&ĐT phê duyệt hàng năm [H1-1.5-04].

Mức 3:

Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn duy trì số lớp giao động từ 28 – 32 lớp, mỗi lớp trên dưới 40 học sinh đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và theo quy định tại qui chế tổ chức và hoạt động của trường THPT [H1-1.5-03], [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ các lớp của cấp học, tổ chức biên chế lớp, ban cán sự lớp đảm bảo đúng theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học.

- Học sinh của từng lớp được sắp xếp trên cơ sở năng lực sở trường của từng học sinh, đặc biệt đối với lớp 12 ngay sau khi kết thúc lớp 11 nhà trường đã định hướng, phân luồng theo sở trường của từng học sinh để các em lựa chọn khối thi, tổ hợp môn thi nhằm đáp ứng cho việc định hướng nghề nghiệp của học sinh.

- Nhà trường đã bố trí khu nhà lớp học độc lập với khu thí nghiệm thực hành, phòng tin học, khu hành chính, thư viện. Với điểm mạnh này nhà trường đã phát huy lợi thế trong quá trình bồi dưỡng và đem lại kết quả cao tại các hội thi cấp tỉnh và cấp khu vực cũng như cấp quốc gia.

- Phát huy được vai trò tự quản lý của học sinh, phát huy năng khiếu lãnh đạo điều hành của lớp, tôn trọng quyền dân chủ, chú trọng các đề xuất chính đáng của các em.

3. Điểm yếu

Ban cán sự một số lớp điều hành lớp tự quản chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo xây dựng tổ chức lớp chặt chẽ, đúng quy định, trong đó cần chú ý phát huy hơn vai trò của Ban cán sự lớp và Ban cán sự bộ môn, nhằm nâng cao nền nếp và chất lượng học tập của các lớp.	HT, GVCN	Đầu năm học		
Dựa trên kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm, nhà trường tích cực tham mưu với lãnh đạo sở GD&ĐT trong công tác xây dựng cơ sở vật chất phòng học và đội ngũ nhằm đảm bảo yêu cầu và duy trì số học sinh trong một lớp theo quy định.	HT	Hàng năm		
GVCN phối hợp với Đoàn thanh niên tăng cường tập huấn nâng cao năng lực điều hành cho ban cán sự lớp.	GVCN, Đoàn TN	Hàng năm		

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hệ thống các loại hồ sơ sổ sách theo quy định tại điều 21 của Điều lệ trường trung học. Hệ thống hồ sơ sổ sách nhà trường đã thực hiện bao gồm: sổ đăng bộ; sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến; sổ gọi tên và ghi điểm; sổ ghi đầu bài; học bạ học sinh; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường; hồ sơ thi đua; hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên; sổ quản lý công văn đi, đến; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; sổ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý thư viện; hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh; sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn; giáo án (bài soạn); sổ ghi kế hoạch giảng dạy; sổ dự giờ, thăm lớp; sổ chủ nhiệm;

b) Hàng năm sau khi nhận kinh phí nhà nước cấp, nhà trường lập dự toán ngân sách để thực hiện thu chi, quyết toán theo đúng chế độ kế toán, căn cứ kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm và nhu cầu của đơn vị cơ sở để xây dựng các nguồn tài chính đáp ứng với phát triển của nhà trường. Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm xây dựng một cách dân chủ, có điều chỉnh bổ sung theo thực tế của nhà trường và có sự thống nhất cao đồng thời công khai tài chính năm học trước và trong Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức, mọi thành viên trong nhà trường giám sát. Chế độ của CBGVNV được đảm bảo đúng định mức, đúng chế độ tài chính, mọi chi tiêu thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ. Việc tiếp nhận, mua sắm tài sản rõ ràng, công khai minh bạch, nhập xuất, thanh lý có hội đồng thực hiện đúng nguyên tắc tài chính, kiểm kê tài sản hàng năm. Ban thanh tra nhân dân tiến hành thanh tra định kỳ và công khai trong Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức. Hàng năm Sở GD&ĐT tiến hành kiểm tra việc sử dụng tài chính, tài sản [H1-1.6-03], [H1-1.6-07];

c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được thực hiện nghiêm túc, các nội dung báo cáo công khai tài chính, tài sản hàng năm của nhà trường được thực hiện đảm bảo đúng quy định. Vào đầu mỗi năm học, trong Hội nghị Cán bộ - viên chức và Hội nghị CMHS toàn trường, nhà trường đã công khai tình hình quản lý thu chi các nguồn kinh phí. Định kỳ, hiệu trưởng chỉ đạo tự kiểm tra công tác tài chính để đánh giá tình hình quản lý tài chính của đơn vị. Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ sát với nhu cầu và tình hình thực tế của đơn vị [H1-1.6-05], [H1-1.6-08].

Tuy nhiên, do chi phối nhiều công việc khác nên việc kiểm tra và công khai tài chính chưa thường xuyên, chưa đảm bảo kế hoạch. Bên cạnh đó, việc vận động cơ quan, địa phương và các mạnh thường quân, cá nhân tự nguyện ủng hộ CSVN cho nhà trường, cải tạo cảnh quan sư phạm. Hồ sơ sổ sách kế toán theo dõi thu chi kịp thời, cập nhật, rõ

ràng đúng quy định và được lưu trữ cẩn thận. Tất cả các nguồn kinh phí huy động đều được công khai rõ ràng về nguồn thu và mục đích sử dụng trước Hội đồng trường, trước tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh. Đa số nhân dân kinh tế còn nhiều khó khăn, nên công tác huy động nguồn xã hội hóa cho đầu tư còn nhiều hạn chế.

Mức 2:

a) Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý được chú trọng, nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý nhân sự trong lưu trữ hồ sơ của văn thư; các phần mềm như: Misa trong quản lý tài chính, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý bảo hiểm xã hội,... đã tích cực hỗ trợ cho công tác kế toán nhà trường [H1-1.6-09];

b) Trong 5 năm qua, qua công tác kiểm tra nội bộ cũng như kiểm tra của Sở GD&ĐT, qua kiểm tra không có vi phạm nào thuộc hoạt động hành chính, tài chính, tài sản [H1-1.6-05], [H1-1.6-06].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch trung và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương; về ngân sách chi cho con người và tự chủ do nhà nước cấp hàng năm. Việc huy động các nguồn từ địa phương và các nhà hảo tâm chủ yếu phục vụ cho việc xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất, cảnh quan sư phạm, khuyến học và giúp đỡ cho học sinh khó khăn [H1-1.6-02], [H1-1.6-08], [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Nhân viên kế toán có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm với công việc, tham mưu hiệu quả cho Hiệu trưởng trong công tác quản lý tài chính, tài sản. Hệ thống các văn bản liên quan đến công tác quản lý tài chính, tài sản được thu thập và lưu trữ đầy đủ; chứng từ được sắp xếp khoa học, hợp lý.

- Sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, tiết kiệm, cân đối được thu, chi hàng năm trên cơ sở xây dựng khá chi tiết và hợp lý Quy chế chi tiêu nội bộ; quản lý tài chính đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

- Quản lý tốt các nguồn kinh phí hợp pháp ngoài ngân sách, nhất là nguồn quỹ huy động từ CMHS. Các nguồn kinh phí hợp pháp ngoài ngân sách được công khai minh bạch.

- Thực hiện tốt kiểm tra định kỳ theo kế hoạch của Sở GD&ĐT và của nhà trường.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường thu được hiệu quả cao.

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không vi phạm về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

3. Điểm yếu

Công tác huy động các nguồn xã hội hóa cho đầu tư nhà trường còn chưa phát huy hết tiềm năng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tiếp tục kiện toàn các hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán đầy đủ và sắp xếp hợp lí, khoa học.	Kế toán	Thường xuyên		
Duy trì chế độ giao ban kế toán và thủ quỹ với hiệu trưởng để kiểm tra công tác tài chính. Chú trọng công tác tổ chức thanh lý tài sản đã hết hạn sử dụng.	HT, kế toán, thủ quỹ	Định kỳ hàng tháng		
Tăng cường vận động công tác xã hội hóa trong việc tu sửa cơ sở vật chất, khuyến học, hỗ trợ học sinh. Xây dựng kế hoạch trung hạn tạo nguồn tài chính cho những năm tới.	HT, CMHS	Chuẩn bị vào năm học mới		
Trong những năm học tới, hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại toàn bộ hệ thống hồ sơ, sổ sách trong nhà trường để đưa vào kho lưu trữ. Xây dựng các hộp thư lưu trữ trên website của trường, tạo các file mã hóa hồ sơ liên kết đến file công văn giúp cho việc lưu trữ, truy tìm và sử dụng được dễ dàng. Nhà trường sẽ sắp xếp lại các phòng làm việc, phòng chức năng để có phòng làm kho lưu trữ.	HT, quản lý dữ liệu,	Từ nay đến năm 2025		
Hiệu trưởng và kế toán phát huy những ưu điểm trong việc thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản trong những năm qua. Thực hiện hiện thu chi theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ và duy trì nền nếp báo cáo quyết toán, công khai tài chính.	HT, kế toán	Thường xuyên		
Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra tài chính và chỉ đạo kế toán thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính định kỳ theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc kiểm tra và công khai tài chính của nhà trường.	HT, kế toán, Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân.	Định kỳ hàng tháng hoặc khi có đề xuất.		

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 1.7: Quản lí cán bộ giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học với đầy đủ nội dung dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục khác theo qui định tại chương trình giáo dục trung học cấp THPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Trong kế hoạch của hiệu trưởng chú trọng đến công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBGVNV cụ thể: tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng cho Ban giám hiệu, tổ trưởng, đội ngũ cốt cán do ngành tổ chức, tổ chức các chuyên đề “nâng cao điểm số trong kỳ thi Tốt nghiệp THPT Quốc gia” chung cho toàn trường, chuyên đề của các tổ chuyên môn, tổ chức thao giảng, hội thảo cấp trường, tham gia dự thi giáo viên dạy giỏi, dự giờ, kiểm tra các hoạt động sư phạm của giáo viên. Các kế hoạch được triển khai đến tất cả thành viên trong toàn HĐSP nhà trường để cùng tham gia góp ý xây dựng kế hoạch một cách dân chủ và sau đó được thống nhất ở Hội nghị cán bộ - công chức - viên chức đầu năm học, qua các đợt thi đua, hằng tháng. Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ một cách cụ thể. Các nhân viên được tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn do ngành tổ chức đầy đủ, tuy vậy việc tổ chức công tác bồi dưỡng đối với nhân viên của nhà trường còn hạn chế [H1-1.7-01];

b) Ngay đầu năm học, căn cứ vào vị trí việc làm của từng CBGVNV đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong ban giám hiệu. Các tổ trưởng là người có năng lực, nghiệp vụ, uy tín và khả năng điều hành tổ của mình. Giáo viên được phân công giảng dạy phù hợp với bộ môn đào tạo. Một số giáo viên có năng lực và kinh nghiệm qua giảng dạy đã được lựa chọn để đảm đương công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp. Nhân viên văn phòng như: kế toán, văn thư, y tế, thư viên, bảo vệ được phân công công việc theo đúng nghiệp vụ. Tất cả các thành viên được phát huy tối đa năng lực của mình, chịu trách nhiệm tham mưu với hiệu trưởng các nội dung do bản thân mình phụ trách. Từ kế hoạch phân công lao động từng vị trí việc làm, căn cứ vào năng lực chuyên môn đào tạo, vị trí việc làm của từng CBGVNV, phó hiệu trưởng, các tổ trưởng và trưởng các bộ phận đoàn thể tham mưu đề xuất phân

công nhiệm vụ cụ thể cho CBGVNV nhà trường để thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-04], [H1-1.7-05];

c) CBGVNV được đảm bảo chế độ chính sách của Nhà nước, các qui định như làm việc 48 giờ trong một tuần, đảm bảo chế độ làm tăng buổi hoặc ngoài giờ, chế độ thai sản thể hiện qua các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, hồ sơ chế độ chính sách, biên bản sơ kết, tổng kết của Công đoàn [H1-1.7-06], [H1-1.7-08].

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường làm việc giúp cán CBGVNV có ý thức tự học mọi lúc, mọi nơi, qua thực tiễn công tác để đúc rút những bài học cho bản thân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, nâng cao chất lượng dạy học [H1-1.7-02].

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, đảm bảo mở rộng nguồn giới thiệu và luôn đảm bảo những cán bộ được đưa vào quy hoạch đều được trải qua quá trình được đào tạo, bồi dưỡng. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ, hiệu trưởng nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình công tác dự nguồn cán bộ lãnh đạo nhà trường cho những năm học tiếp theo [H1-1.7-09].

Đối với giáo viên: Xây dựng môi trường sư phạm dân chủ, bình đẳng, thúc đẩy sự nỗ lực phấn đấu và nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Việc phân công của nhà trường về con người hợp lí, phù hợp với năng lực. Lãnh đạo nhà trường luôn tham khảo ý kiến của Ban Chấp hành Công đoàn nhà trường, trên nguyên tắc lấy học sinh làm trung tâm, để phân công nhiệm vụ từng giáo viên, đảm bảo tính dân chủ, công bằng trong các nhóm chuyên môn giảng dạy [H1-1.7-06].

Để phát huy năng lực của đội ngũ, hiệu trưởng đã có các biện pháp chỉ đạo: dựa trên nhiệm vụ chung của nhà trường, mỗi CBGVNV và mỗi bộ phận chủ động lên kế hoạch hoạt động của mình, luôn tham mưu với hiệu trưởng để bổ sung và giám sát; phối hợp với các đoàn thể và Ban Thanh tra nhân dân để tiến hành thanh, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, trong đánh giá thi đua lấy hiệu quả công việc và cải tiến hoạt động làm thước đo để đánh giá [H1-1.7-03], [H1-1.7-07].

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được cụ thể hóa rõ ràng cho mỗi đối tượng, sát với công việc đảm nhiệm, kiểm tra đánh giá thường xuyên để biết hiệu quả công tác.

- Việc phân công các thành viên trong nhà trường hợp lí, đúng chuyên môn, công bằng và công khai. Giáo viên trẻ có phẩm chất, năng lực được nhà trường bố trí vào việc tham gia các hoạt động chung từ chuyên môn đến hoạt động NGLL.

- Nhà trường luôn tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ và được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được hưởng quyền lợi theo qui định của pháp luật.

3. Điểm yếu

- Giáo viên thiếu cục bộ ở một số bộ môn dẫn đến việc phân công chuyên môn chưa đồng đều ở các bộ môn khác nhau.

- Một số giáo viên ít đọc văn bản, ít nghiên cứu tài liệu nên việc tiếp cận các kiến thức, quy định mới chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tiếp tục tham mưu với ngành chủ trọng điều động và điều hòa giáo viên của từng bộ môn cho phù hợp với số tiết thực dạy.	HT	Đầu năm học		
Cải tiến công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đa dạng, phong phú hơn; đặc biệt chú trọng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ đối với nhân viên nhà trường.				
Nhà trường tiếp tục đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ.	HT, giáo viên, nhân viên	Thường xuyên	Kinh phí chi thường xuyên, các nguồn huy động hợp pháp khác	
Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trong các tổ chuyên môn để nâng chất lượng giảng dạy cho đội ngũ.	HT, các PHT	Thường xuyên		
Đi sâu vào phát triển năng lực của từng giáo viên, phát huy năng lực tự học của giáo viên, kích thích giáo viên tích cực đổi mới sáng tạo trong giảng dạy và không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn của người giáo viên.	Giáo viên	Thường xuyên	Kinh phí chi thường xuyên	

Tăng cường công tác tuyên truyền, cập nhật, phổ biến các văn bản, tài liệu mới, các chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.	HT, Công đoàn, Đoàn TN, GVCN	Thường xuyên	
--	------------------------------	--------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học, có kế hoạch phát triển giáo dục từng năm học và hồ sơ hoạt động giáo dục nhà trường đầy đủ. Tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo thời gian quy định theo phân phối chương trình; các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục địa phương, kỹ năng sống phù hợp với học sinh, đảm bảo thời gian và kiến thức dạy học trong và ngoài nhà trường. Phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch về thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định, thể hiện rõ ở phiếu báo giảng của giáo viên, sổ đầu bài lớp, sổ gọi tên ghi điểm. Hàng tháng, nhà trường đều thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh để kịp thời bổ sung điều chỉnh thông qua các cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.8-02], [H1-1.8-04];

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung của kế hoạch giáo dục, hàng tháng xây dựng kế hoạch trọng tâm, kế hoạch này được phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên đầu mỗi tháng [H1-1.8-01];

c) Hàng tháng nhà trường có rà soát và bổ sung những kế hoạch phát sinh hoặc điều chỉnh những kế hoạch có thay đổi cho hợp lý vào kế hoạch trọng tâm; hàng tháng nhà trường đều họp Hội đồng sư phạm vào đầu tháng để đánh giá lại những hoạt động trong tháng, đồng thời tiếp thu những ý kiến của giáo viên để bổ sung vào kế hoạch hoạt động của tháng kế tiếp [H1-1.8-03], [H1-1.4-05].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra nội bộ theo các nội dung đã đề ra trong kế hoạch [H1-1.7-07].

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường được thực hiện thường xuyên, kịp thời, được Thanh tra Sở GD&ĐT kiểm tra hàng năm vào đầu năm học hoặc kiểm tra đột xuất trong năm học. Các đợt kiểm tra đều được đánh giá tốt.

Nhà trường thực hiện đúng quy định về dạy thêm, học thêm: có sổ theo dõi dạy thêm, học thêm và thời khóa biểu, có danh sách học sinh tham gia học thêm trong năm và danh sách cán bộ giáo viên tham gia dạy thêm. Hoạt động dạy thêm được Sở Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động; hoạt động dạy thêm, học thêm của nhà trường thực hiện đúng theo Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 13/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định công tác dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông [H1-1.8-06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học thông qua các loại kế hoạch triển khai thực hiện, các loại hồ sơ sổ sách và các kết quả đạt được trong từng năm học. Cán bộ quản lý, giáo viên cam kết không vi phạm đạo đức nhà giáo.

- Hiệu trưởng thực hiện công tác quản lý hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo kế hoạch; quản lý tốt hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường; các văn bản chỉ đạo việc dạy thêm, học thêm đều được triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và CMHS.

- Thực hiện công tác quản lý, đề bạt CBGVNV theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc kiểm tra được đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời giúp giáo viên nâng cao hơn ý thức thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy và học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các tổ sinh hoạt chuyên môn tập trung, trên cơ sở đóng góp ý kiến của tất cả các thành viên trong tổ.

- Tăng cường tổ chức tập huấn cho giáo viên dạy học trực tuyến đáp ứng được thay đổi phương thức dạy học một cách chủ động, linh hoạt trong tình hình đại dịch vẫn còn diễn biến phức tạp.

- Hàng năm đầu năm học nhà trường tổ chức buổi hội thảo nhằm đánh giá kết quả công tác ôn thi tốt nghiệp của năm học trước và đề ra các biện pháp để nâng cao điểm số cũng như kết quả thi Tốt nghiệp THPT của học sinh lớp 12.

3. Điểm yếu

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 học sinh phải học trực tuyến nhiều nên việc thực hiện chương trình có nhiều trở ngại theo kế hoạch giáo dục hằng tuần đã đề ra.

- Kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường còn tập trung vào một khoảng thời gian nhất định, chưa rải đều trong năm học nên đôi khi chưa đánh giá kịp thời mặt mạnh để phát huy cũng như mặt tồn tại để có biện pháp khắc phục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Lãnh đạo nhà trường tiếp tục quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng kế hoạch cũng như xây dựng các biện pháp hữu hiệu để thực hiện đúng kế hoạch giáo dục của năm học theo quy định. Thực hiện có chất lượng kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học và các giáo dục khác theo quy định của Bộ GD&ĐT. Cập nhật và triển khai kịp thời các văn bản của các cấp về việc chỉ đạo thực hiện, điều chỉnh kế hoạch chương trình giảng dạy và học tập trong năm học đến tất cả giáo viên.	HT	Thường xuyên		
Lãnh đạo nhà trường có kế hoạch rà soát đánh giá, kiểm tra chéo việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập của từng môn học. Việc kiểm tra được tiến hành định kỳ, đột xuất, đánh giá, góp ý cụ thể để rút kinh nghiệm và kịp thời điều chỉnh sai sót nếu có. Nắm bắt kịp thời những ý kiến phản hồi của học sinh về công tác giảng dạy của giáo viên để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học.	HT, các PHT	Định kỳ, đột xuất		
Tiếp tục phát huy vai trò của các tổ trưởng chuyên môn trong việc hỗ trợ lãnh đạo nhà trường theo dõi, chỉ đạo cũng như rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định.	Tổ trưởng, P. Tổ trưởng	Thường xuyên		
Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề về công tác ôn thi tốt nghiệp để nâng cao điểm số cũng như kết	Sở GD&ĐT, nhà trường	Theo kế hoạch năm học		

quả thi Tốt nghiệp THPT của học sinh lớp 12.				
Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường để chấn chỉnh và xử lý kịp thời những người vi phạm.	HT, các PHT, Công đoàn, Ban TTND	Thường xuyên		
Tiếp tục tuyên truyền trong hội đồng sư phạm các văn bản chỉ đạo của các cấp về dạy thêm, học thêm; yêu cầu giáo viên cam kết không vi phạm quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy thêm ngoài nhà trường.	HT, Công đoàn	Thường xuyên		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện cơ chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm nhà trường đều tổ chức Hội nghị cán bộ, nhà giáo và người lao động để toàn thể CBGVNV đều được tham gia thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, thảo luận đề ra các phương hướng thực hiện nhiệm vụ, các giải pháp để hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra; CBGVNV đều được tham gia đóng góp ý kiến cho các nội quy, quy định, quy chế liên quan đến hoạt động thông qua hội nghị đã thống nhất thành nghị quyết để thực hiện (theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập [H1-1.9-01], [H1-1.9-02];

b) Nhận thức rõ vai trò của việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh nên trường THPT Trần Hưng Đạo luôn thực hiện theo đúng quy trình [H1-1.9-03];

c) Trong quá trình giải quyết, hiệu trưởng nhà trường luôn thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ khách quan; làm rõ nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo; kết luận rõ đúng, sai; đề ra phương án giải quyết phù hợp, có tình, có lý [H1-1.9-03];

d) Thông qua các ý kiến đóng góp từ các cá nhân, bộ phận, đoàn thể từ các cuộc họp nhằm phát huy dân chủ trong nhà trường. Từ đó, nhà trường thực hiện báo cáo quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ [H1-1.9-04].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.7-06].

Trong tất cả các năm học, nhà trường đều công khai đảm bảo điều kiện dạy học, các khoản thu, chi bằng cách niêm yết công khai tài chính tại bảng thông báo ở văn phòng, công khai các hoạt động chuyên môn và những kết quả mà nhà trường đạt được [H1-1.9-04], [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Các thành viên chấp hành rất tốt nội dung của quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết nhanh, kịp thời các thắc mắc của CBGVNV nên tạo được không khí vui vẻ, thoải mái trong làm việc và tính đoàn kết rất cao trong nhà trường.

- Phát huy tốt tinh thần dân chủ trong các hoạt động, đội ngũ tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch nhà trường.

- Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn công khai các văn bản ban hành, hoặc công khai tài chính được niêm yết tại đơn vị của cơ quan trong thời gian 30 ngày liên tục.

3. Điểm yếu

Trong 5 năm qua do một số giáo viên nhận thức chưa đúng nội dung, văn bản, các quy định, do đó vẫn còn giáo viên khiếu nại vượt cấp và nhà trường cũng như sở GD&ĐT đã giải quyết đúng quy trình, quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Phát huy các điểm mạnh của nhà trường đồng thời tiếp tục củng cố nội dung các qui định của cấp trên lên cao hơn nữa và vận động mọi thành viên tự giác hơn. Tiếp tục phát huy việc xây dựng kế hoạch phù hợp đúng quy định và thực hiện giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả.	Toàn trường	Thường xuyên		

Phối hợp với công đoàn tổ chức các chuyên đề liên quan đến việc thực hiện dân chủ cơ sở ở cơ quan.	Nhà trường, Công đoàn	Đầu năm học		
Phát huy vai trò của tổ chức Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân, đoàn thanh niên trong việc phổ biến các văn bản, quy định của nhà trường, ngành và pháp luật đến từng cán bộ, giáo viên và nhân viên; tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của từng cá nhân, kịp thời nắm bắt, giải quyết và động viên khi có sự việc xảy ra.	Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban TTND	Thường xuyên		
Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tiêu cực.	Toàn trường	Thường xuyên		
Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, kỹ lưỡng Quy chế dân chủ trong trường học để CB, GV, NV nắm rõ quy chế và giải quyết triệt để những tồn tại vướng mắc tránh những vụ việc khiếu kiện, khiếu nại không đáng có.	Nhà trường, Công đoàn	Đầu năm học		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn

phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ năm học, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận phụ trách hoạt động ngoài giờ lên lớp cùng với Đoàn thanh niên để xây dựng kế hoạch chung cho các hoạt động trong đó chú trọng các kế hoạch giữ gìn, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường, thực hiện tốt an toàn giao thông, ăn uống hợp vệ sinh, bảo vệ môi trường, cùng các kế hoạch, phương án phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh, phòng chống các tệ nạn xã hội; phòng chống bạo lực học đường. Nhà trường cho học sinh học tập nội qui nhà trường; nếp sống văn minh đô thị và làm cam kết thực hiện. Nhà trường đã trang bị nhiều bình chữa cháy bố trí ở khu hiệu bộ và các phòng bộ môn, các phòng chức năng khác để sử dụng nếu có sự cố xảy ra. Ngoài ra còn có sự phối kết hợp với tổ chức Đoàn, bộ phận quản lý nền nếp học sinh, thường xuyên giáo dục, theo dõi, kiểm tra đánh giá về ý thức thực hiện nội quy của học sinh đầu giờ học mỗi ngày. Nhà trường có nhân viên bảo vệ có mặt tại trường 24/24 để góp phần bảo vệ tài sản nhà trường và giám sát học sinh, Bên cạnh đó hệ thống camera được trang bị nhằm bảo vệ an ninh trật tự, tài sản nhà trường. Ngoài ra, việc phân công lãnh đạo và giáo viên trực hàng ngày đã tích cực tham gia vào công việc giữ gìn trật tự, an ninh trong trường.

Cuối năm hoạt động đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong nhà trường được tổ chức rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm và nhiều năm liền được ghi nhận đơn vị đảm bảo trật tự, an ninh, an toàn trên địa bàn. Vì vậy, nhà trường luôn là môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh xứng đáng với niềm tin của chính quyền địa phương và cha mẹ học sinh [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03];

b) Trong những năm học qua, trường THPT Trần Hưng Đạo không có xảy ra trường hợp nào ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của CBGVNV và học sinh nhà trường. Nhà trường có hộp thư góp ý hoặc số điện thoại của hiệu trưởng được công khai để tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân. Khi đã có tình huống xảy ra, nhà trường phối hợp với cơ quan chức năng và CMHS có học sinh liên quan giải quyết thỏa đáng [H1-1.4-05], [H1-1.10-05];

c) Trong những năm học qua nhà trường đã xây dựng được khối đoàn kết nhất trí, luôn giữ vững tính thân thiện, hòa khí trong CBGVNV và học sinh, thực sự nhà trường đã trở thành tổ ấm với khẩu hiệu “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”; tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử, vi phạm về giới không tồn tại trong nhà trường mặc dầu trong nhà trường có học sinh người dân tộc thiểu số, học sinh ở Trung tâm bảo trợ xã hội, học

sinh khuyết tật. Chưa có hiện tượng vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Đầu năm học nhà trường phối hợp với công an huyện Đăk Mil tuyên truyền về an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; phòng chống thiên tai; Y tế, Đoàn thanh niên và các cơ quan chuyên môn của huyện Đăk Mil tổ chức tuyên truyền dưới cờ về dịch bệnh, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, phòng chống HIV, thuốc lá. Phối hợp với Trung tâm y tế huyện Đăk Mil tổ chức tư vấn sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh và nội dung này được lồng ghép giáo dục vào bài dạy có liên quan như môn giáo dục công dân, sinh học, hóa học. Thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống đại dịch toàn cầu Covid-19; xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-08], [H1-1.10-09];

b) Nhà trường thường xuyên chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, thu thập các thông tin ảnh hưởng đến trật tự an toàn trong trường học; thường xuyên liên lạc với cha mẹ học sinh về hạnh kiểm, chấp hành nội quy nhà trường của các em qua hệ thống tin nhắn, được cơ quan công an, lãnh đạo địa phương đánh giá cao trong công tác đảm bảo trật tự, an toàn trường học [H1-1.10-05], [H1-1.10-07], [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm đến vấn đề an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, chủ động xây dựng và triển khai các kế hoạch một cách hiệu quả, hàng tháng có sự đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Nhà trường luôn chủ động phối hợp với các cơ quan, đoàn thể ở địa phương và được sự quan tâm phối hợp tốt trong công tác đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thành lập các tổ, đội giáo viên, học sinh để quản lý nề nếp, an ninh trật tự trong nhà trường.

- Nhiều năm qua, nhà trường đã có nhiều biện pháp đảm bảo tình hình an ninh, trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; Phòng chống bạo lực học đường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng chống dịch bệnh, ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường.

- Liên hệ với các tổ chức và chuyên gia tập huấn trực tiếp cho các em như: phòng cháy chữa cháy; phòng, chống xâm hại tình dục, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, bạo lực học đường, ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức các buổi tuyên truyền chưa được thường xuyên, một số buổi tuyên truyền chưa tạo được sự hứng thú đối với học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Trong những năm học đến, tiếp tục chỉ đạo tốt việc xây dựng “trường học hạnh phúc”. Tạo không khí học tập tích cực trong học sinh, xây dựng môi trường học tập an toàn và lành mạnh, là trung tâm học tập, vui chơi phát triển toàn diện của học sinh.	Từ nay đến năm 2025	Toàn trường		
Tiếp tục tăng cường các biện pháp giáo dục giới tính cho học sinh, ý thức giữ gìn an ninh trật tự trường học. Luôn chủ động phát hiện và nhạy bén trong mọi tình huống một cách tích cực.	Thường xuyên	Đoàn thanh niên, Y tế		
Xây dựng kế hoạch, nội dung tuyên truyền phong phú hơn, thực tế để thu hút sự tập trung và hứng thú của học sinh.	Đầu năm học, đầu tháng	Đoàn thanh niên, Y tế		
Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội để tổ chức các chương trình tư vấn, tuyên truyền đa dạng hơn.	Đầu năm học	TTYT huyện, Đoàn thanh niên	Kinh phí chi thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

- Trong 5 năm qua được sự chỉ đạo của Đảng, các cấp chính quyền, của sở GD&ĐT Đắk Nông, trường THPT Trần Hưng Đạo đã lập nên những thành tích đáng tự hào. Nhà trường đã xây dựng chiến lược của mình trên cơ sở thực tế địa phương, của nhà trường. Chiến lược được sự đóng góp không những từ trí tuệ tập thể nhà trường mà còn có sự tham gia của các cấp địa phương, ngành, của các nhà giáo dục lão thành và CMHS. Sứ mệnh lịch sử của nhà trường được xác định là: chất lượng, uy tín và là nơi tin cậy của xã hội và cha mẹ học sinh. Chính vì vậy mà chiến lược được đầu tư lớn, được công bố rộng rãi để các cấp góp ý, điều chỉnh, theo dõi và đánh giá.

- Hội đồng trường được thành lập theo hướng dẫn gồm các thành viên là nòng cốt trong nhà trường, có năng lực, am hiểu hoạt động giáo dục. HĐT hoạt động khá hiệu quả, các mặt giáo dục đồng bộ, chất lượng nâng lên rõ rệt làm nên thành tích nhà trường rất cao.

- Hoạt động của chi bộ Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường đồng bộ, thống nhất cao. Các chủ trương của các cấp ủy Đảng được quán triệt sâu sắc, kịp thời nên tạo được động lực tốt trong các hoạt động. Chất lượng hoạt động của chi bộ Đảng và các đoàn thể được đánh giá tốt, vững mạnh, tiên tiến xuất sắc.

- Đảm bảo đủ số lượng HT, PHT, giáo viên, nhân viên, tất cả đều hoạt động năng nổ, tinh thần trách nhiệm cao, phân công phân nhiệm đúng với nghiệp vụ đào tạo, luôn học hỏi những vấn đề mới, Ban giám hiệu điều hành chỉ đạo kế hoạch năm học sâu sát, kịp thời, đi tắt đón đầu những nhiệm vụ mới, không bị động với các vấn đề mới sắp thực hiện.

- Quản lý tài chính, tài sản rõ ràng, minh bạch, đảm bảo đúng các nguyên tắc nhằm mục đích chính là phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Hồ sơ sổ sách văn phòng đúng qui định.

- Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ thường xuyên, định kỳ và không định kỳ theo kế hoạch của các cấp và nhà trường, có kiểm tra đánh giá.

- Thực hiện kế hoạch giáo dục đầy đủ theo qui định và toàn diện cho tất cả các mặt giáo dục, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ này bằng nhiều hình thức khác nhau, sau khi kiểm tra đánh giá rút kinh nghiệm chung, đề ra biện pháp khắc phục.

- Nhà trường thực hiện tốt qui chế dân chủ cơ sở và các qui định khác.

- Trong nhiều năm qua nhà trường không có một sự cố nghiêm trọng nào về an ninh trật tự, bạo lực học đường, cháy nổ nhờ có sự phối hợp với các cơ quan chức năng cũng như tuyên truyền giáo dục thường xuyên của nhà trường và ý thức trách nhiệm cao của CMHS và học sinh.

- Nội dung, hình thức sinh hoạt tổ chuyên môn còn chưa phong phú và đa dạng.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0%.

+ Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100%.

+ Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí chiếm 100%.

+ Đạt Mức 3: 5/5 tiêu chí chiếm 100%.

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Ghi chú
1.1	Đạt	Đạt	Đạt	
1.2	Đạt	Đạt	-	
1.3	Đạt	Đạt	Đạt	
1.4	Đạt	Đạt	Đạt	
1.5	Đạt	Đạt	Đạt	
1.6	Đạt	Đạt	Đạt	
1.7	Đạt	Đạt	-	

1.8	Đạt	Đạt	-	
1.9	Đạt	Đạt	-	
1.10	Đạt	Đạt	-	

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh là nguồn lực thiết yếu để thực hiện và quyết định chất lượng các hoạt động giáo dục trong mỗi nhà trường. Trường THPT Trần Hưng Đạo luôn xác định công tác xây dựng đội ngũ là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nhà trường. Việc xây dựng và nâng cao phẩm chất, năng lực đội ngũ luôn được nhà trường quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường cơ bản đảm bảo, hợp lý về số lượng, cơ cấu; chất lượng không ngừng được nâng cao; có phẩm chất đạo đức, tâm huyết với nghề, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đào tạo; được bố trí công việc phù hợp giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân.

Học sinh của nhà trường đảm bảo về độ tuổi theo quy định; thực hiện nghiêm túc quy định về nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục, cơ bản chăm ngoan, có động cơ, thái độ học tập tốt, có sự vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên.
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng đạt trình độ chuẩn trở lên với 1 cử nhân, 2 thạc sĩ; có thời gian giảng dạy cấp THPT từ 15 năm trở lên; hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn quy định tại chuẩn hiệu trưởng trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; phó hiệu trưởng đạt mức cao của chuẩn nghề nghiệp giáo viên cấp học THPT và đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H2-2.1-01];

b) Cuối năm học, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tự kiểm điểm đánh giá công tác quản lý và công khai các ý kiến đóng góp cho hiệu trưởng và phó hiệu trưởng trước HĐSP nhà trường, các tổ chức đoàn thể, được HĐSP góp ý đề nghị cấp trên xếp loại. Được Sở GD&ĐT đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2-2.1-04], [H2-2.1-05];

c) Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý, lý luận chính trị, công tác giáo dục hướng nghiệp, tư vấn học đường, công tác phòng cháy chữa cháy,... [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng mức tốt, đảm bảo yêu cầu có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-04], [H2-2.1-05];

b) Đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đã học xong các lớp về lý luận chính trị theo quy định (2 trung cấp, 1 cao cấp); đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu, có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, được tập thể tín nhiệm [H2-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có kết quả đánh giá chuẩn hiện trưởng ở mức tốt đạt yêu cầu của mức 3 [H2-2.1-06], [H2-2.1-07].

2. Điểm mạnh

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có trình độ đại học và trên đại học (70%). Đã có nhiều năm công tác; phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, năng nổ, nhiệt tình tâm huyết với nghề nghiệp.

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng thực hiện công tác quản lý một cách bao quát và toàn diện, thực hiện quản lý có hiệu quả, chất lượng nhà trường được nâng lên rõ rệt ở tất cả mọi hoạt động giáo dục; biết tham mưu tốt với chính quyền các cấp, cơ quan quản lý trực tiếp. Do đó đã tranh thủ được sự chỉ đạo sâu sát, sự giúp đỡ của các ngành, các cấp đối với các hoạt động của nhà trường. Điều này đã có tác động mạnh đến tinh thần làm việc của hội đồng sư phạm nhà trường.

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có năng lực tập hợp, được sự hỗ trợ của các lực lượng trong nhà trường và ngoài xã hội. Vì thế các chủ trương, kế hoạch hoạt động của nhà trường đều được sự đồng thuận cao của các tổ chức đoàn thể, của các tầng lớp nhân dân nên có được sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng hỗ trợ nhiều về vật chất lẫn tinh thần cho nhà trường để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ giáo dục.

3. Điểm yếu

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều là những giáo viên được trưởng thành từ đội ngũ giáo viên và các phong trào thi đua của nhà trường, do đó lý luận về nghiệp vụ quản lý giáo dục dù đã được bồi dưỡng song vẫn chưa cao.

- Việc phát hiện, phát huy hết các tiềm năng ở tất cả mọi thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường chưa triệt để.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Ban giám hiệu tiếp tục tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về quản lý giáo dục do Ngành GD&ĐT tổ chức, tham gia đầy đủ nội dung bồi dưỡng các chương trình liên kết của ngành.	HT, các PHT	Theo kế hoạch của các cấp	Kinh phí chi thường xuyên, cá nhân	
Tiếp tục phát huy vai trò gương mẫu và tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo quản lý nhà trường. Tổ chức, sắp xếp công việc cụ thể, khoa học hơn nhằm đạt được hiệu quả cao nhất đối với hoạt động giáo dục của nhà trường. Phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, dám nghĩ, dám làm, chịu trách nhiệm trước tập thể và cấp trên.	HT, các PHT	Thường xuyên		
Tiếp tục động viên đội ngũ tham gia các lớp học nâng chuẩn về chuyên môn và trình độ chính trị, cử phó hiệu trưởng tham gia lớp cao cấp chính trị vào năm 2021.	BGH, PHT	Năm 2021	Kinh phí chi thường xuyên, cá nhân	
Tạo cơ hội, đánh thức và phát huy tối đa tiềm năng làm việc của đội ngũ, thực hiện có hiệu quả cao chiến lược phát triển giáo dục nhà trường.	Toàn trường	Hàng năm		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Thực hiện quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập, nhà trường hiện có 66 giáo viên, cơ cấu đủ cho tất cả các môn học, đảm bảo tỉ lệ 2,25 giáo viên trên lớp; giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn hoặc gần chuyên môn được đào tạo, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.5-06], [H1-1.4-05], [H2-2.2-02];
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, cụ thể có 56 giáo viên có trình độ đại học (chiếm tỉ lệ 82,86%) và 12 giáo viên có trình độ thạc sĩ (chiếm tỉ lệ 17,14%) [H2-2.2-02];

c) Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, đạt điều kiện có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên theo quy định [H2-2.2-05].

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo qua hàng năm: năm học 2017 - 2018 có 13 người đạt 17,8 %; năm học 2018 - 2019 có 13 người đạt 17,8%; năm học 2019 - 2020 có 12 người đạt 16,9%; năm học 2020 - 2021 có 12 người đạt 17,14%; năm học 2021 - 2022 có 12 người đạt 17,14%. Vậy trong 05 năm liên tiếp tính từ năm 2017 - 2018 đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp, bền vững [H2-2.2-04];

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, đạt yêu cầu 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn [H2-2.2-05];

c) Đội ngũ giáo viên của nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học [H2-2.2-01], [H2-2.2-06].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có từ 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-05];

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật và đạt giải [H2-2.2-06], [H2-2.1-06], [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng. Chất lượng giáo viên khá đồng đều, có nhiều kinh nghiệm, hầu hết nhiệt tình trong công tác, ý thức nghề nghiệp cao, có uy tín với cha mẹ học sinh và trong nhân dân.

- Giáo viên trong nhà trường rất chú trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học, tích cực đưa công nghệ thông tin vào hỗ trợ dạy học, chú trọng tham gia các lớp học nâng chuẩn đào tạo. Đội ngũ giáo viên có hơn 17,14% trên chuẩn. Nhà trường có số lượng CSTĐ đạt từ 15%/năm, có 1 đến 2 CSTĐ cấp tỉnh.

- Đội ngũ tổ trưởng chuyên môn có uy tín và năng lực, tổ chức bồi dưỡng được nhiều nội dung cho giáo viên về nghiệp vụ sư phạm.

- Hầu hết giáo viên có ý thức cầu tiến, không ngừng học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ. 100% giáo viên trong đội ngũ của nhà trường thực hiện tốt quy chế, quy

định của nhà giáo, có tinh thần vượt khó khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

- Trình độ Ngoại ngữ của giáo viên chưa cao, một vài giáo viên còn hạn chế trong việc học hỏi tiếp cận với phương pháp dạy học mới. Cơ cấu số lượng giáo viên trên từng bộ môn chưa đồng bộ.

- Tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm của một số ít giáo viên chưa thể hiện rõ tính năng động sáng tạo, có tính tự mãn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tham mưu với Sở GD&ĐT điều hòa cơ cấu giáo viên đồng bộ giữa các môn học.	HT	Cuối năm học liền kề trước		
Phát huy hơn nữa vai trò nòng cốt của các tổ trưởng chuyên môn nhất là sau khi các tổ trưởng chuyên môn được tập huấn về công tác quản lý tổ. Coi trọng việc sinh hoạt chuyên môn, lấy tổ, nhất là nhóm chuyên môn làm cơ sở để bồi dưỡng đội ngũ thông qua sinh hoạt chuyên đề, dự giờ. Dùng đội ngũ giáo viên giỏi làm nòng cốt để xây dựng ý thức trách nhiệm, thái độ làm việc và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trẻ. Phát huy vai trò của những giáo viên có năng lực về Tin học, về phương pháp soạn giảng, dạy học mới để giúp đỡ giáo viên lớn tuổi tiếp cận được với CNTT, ứng dụng được CNTT vào dạy học nhằm nâng cao hiệu quả của đổi mới PPDH, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học của mỗi bộ môn.	Tổ trưởng	Thường xuyên		
Tiếp tục có kế hoạch chỉ đạo tổ chức hội thảo, hội giảng, hội thi giáo viên dạy giỏi, soạn giảng để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động đổi mới PPDH, ứng dụng CNTT trong dạy học, đồng thời thông qua các hoạt động này kích thích giáo viên trong toàn trường có ý thức hơn về tầm quan trọng, tính cấp thiết của đổi mới PPDH trong dạy học hiện nay, để mỗi người tự xác định cho mình	PHT phụ trách chuyên môn, tổ trưởng, giáo viên	Thường xuyên		

những kỹ năng sư phạm cần có, cần phải học tập, nhằm đáp ứng được yêu cầu của giáo dục Việt Nam trong xu thế đang phấn đấu theo kịp nền giáo dục tiên tiến của thế giới.				
Tiếp tục đầu tư, bồi dưỡng đội ngũ kế cận để có thể thay thế cho các giáo viên giữ các cương vị chủ chốt nghỉ hưu hoặc chuyển công tác. Động viên toàn bộ giáo viên trong độ tuổi quy định, có trình độ tin học, ngoại ngữ để nghiên cứu ứng dụng một cách cơ bản trong soạn giảng.	HT, giáo viên	Hàng năm		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công.

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực.

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tại thời điểm tự đánh giá, số lượng đội ngũ nhân viên của nhà trường gồm 6 người ở các vị trí việc làm gồm: thư viện; kế toán; thủ quỹ; văn thư; y tế và lao động hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ vệ sinh, bảo vệ đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H2-2.3-01];

b) Nhân viên nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo, phù hợp với năng lực thực tế của mỗi người [H2-2.3-02];

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có 6 nhân viên thuộc nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gồm: thư viện, thiết bị, thí nghiệm, công nghệ thông tin, kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế. Đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.3-02];

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-03], [H2-2.1-06].

Mức 3:

a) Độ ngũ nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán, văn thư, y tế và thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao [H2-2.1-06], [H2-2.3-01], [H2-2.3-05];

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

- Tổ văn phòng đảm bảo được số lượng quy định của công tác chuyên môn. Các nhân viên văn phòng nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc, tất cả đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Nhân viên tổ văn phòng được trang bị về thiết bị, kết nối internet, thiết bị cần thiết khác để làm tốt chức năng của mình. Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo tổ văn phòng nên việc cập nhật thông tin, báo cáo, xử lý công văn của các bộ phận văn phòng kịp thời.

3. Điểm yếu

Một số nhân viên còn làm công tác kiêm nhiệm nên hiệu quả ở một số công việc chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tiếp tục kiện toàn và củng cố tổ văn phòng, xác định rõ chức năng, chức trách cho mỗi thành viên. Tổ chức giao ban định kỳ với kế toán, thủ quỹ để theo dõi thu chi. Hoàn thiện qui chế chi tiêu nội bộ theo hướng có chế độ đãi ngộ với nhân viên văn phòng để động viên khích lệ tinh thần làm việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ.	HT, tổ văn phòng	Đầu năm học		
Có kế hoạch cho tổ văn phòng sinh hoạt theo chuyên đề để có điều kiện	Tổ văn phòng	Hàng tháng		

trao đổi thông tin, giúp đỡ nhau trong chuyên môn, nghiệp vụ.				
Khuyến khích đội ngũ nhân viên không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bằng hình thức tự học, tham gia các lớp tập huấn, đào tạo.	HT, Tổ văn phòng	Thường xuyên, theo kế hoạch của cấp trên	Kinh phí chi thường xuyên, cá nhân	
Động viên nhân viên tham gia các lớp đào tạo văn bằng 2 để đáp ứng yêu cầu công việc, đặc biệt là nhân viên thiết bị theo quy định.	HT, Tổ văn phòng	Từ nay đến năm 2025	Kinh phí chi thường xuyên, cá nhân	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh của nhà trường dự tuyển vào lớp 10 ở tuổi 15, không có học sinh quá tuổi do bị lưu ban trên 3 năm trong cấp học, đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định tại Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01];

b) Nhà trường đã niêm yết bảng nhiệm vụ của học sinh trong mỗi lớp học nhằm nhắc nhở, giáo dục các em biết nhiệm vụ của mình một cách thường xuyên, do đó học sinh của nhà trường đã thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường; kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, thực

hiện trật tự an toàn giao thông; giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường [H2-2.4-01], [H2-2.4-02];

c) Nhà trường luôn đảm bảo các quyền của học sinh, đã niêm yết bảng quyền của học sinh trong mỗi lớp học nhằm đảm bảo các em luôn được biết quyền của mình đó là được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định; được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống; được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt.

Mức 2:

Đầu năm học, nhà trường tổ chức cho học sinh học tập nội quy, phổ biến các Điều 34, 35, 36, 37 và 38 của Điều lệ trường trung học quy định về nhiệm vụ, hành vi ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh để học sinh chấp hành nghiêm túc quy định về các hành vi không được làm. Nhà trường đã chỉ đạo GVCN, GVBM và ban quản lý học sinh thường xuyên kiểm tra, ghi chép các vi phạm để nhắc nhở, giáo dục học sinh thực hiện tốt nội quy kỷ cương trường lớp, ngăn chặn xử lý kịp thời những trường hợp học sinh vi phạm [H2-2.4-04].

Mức 3:

Hàng năm tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm tốt, khá trên 95%, học sinh có học lực từ loại khá trở lên chiếm trên 70%, trong các kỳ thi cấp tỉnh trường luôn xếp vị trí đầu của khối THPT trên toàn tỉnh cả về số lượng và chất lượng giải. Điều này đã có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp nói riêng và chất lượng giáo dục của nhà trường nói chung [H2-2.1-06], [H2-2.4-01].

2. Điểm mạnh

- Học sinh tuyển vào trường đa số là học sinh ngoan, có ý thức học tập tốt, với sự quan tâm của CMHS cũng như việc quản lý giáo dục tốt của nhà trường nên hầu hết các em học sinh đều ngoan, lễ phép và rất chú trọng trong việc học tập cũng như tham gia các hoạt động của lớp, của trường.

- Hàng năm tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm tốt, khá trên 95%, học sinh có học lực từ loại khá trở lên chiếm trên 70%, trong các kỳ thi cấp tỉnh trường luôn xếp vị trí đầu của khối THPT trên toàn tỉnh cả về số lượng và chất lượng giải.

3. Điểm yếu

Vẫn còn số ít học sinh chưa ngoan, thiếu ý thức tự giác trong học tập. Một số cha mẹ học sinh thiếu sự quan tâm quản lý con em, nên làm ảnh hưởng đến nề nếp chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
<p>Nâng cao vai trò của mọi thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường trong việc giáo dục đạo đức học sinh, nhất là vai trò của Đoàn thanh niên và bộ phận nền nếp để tăng cường hơn nữa công tác giáo dục, quản lý học sinh một cách sâu sát, chặt chẽ và đồng bộ nhằm kịp thời ngăn chặn, xử lí và giáo dục những học sinh có hành vi vi phạm nội quy, vi phạm cam kết với nhà trường.</p>	Toàn trường	Thường xuyên		
<p>Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng, với địa phương nhất là với CMHS để phối hợp quản lý và giáo dục.</p>	Công an thị trấn Đăk Mil, nhà trường, CMHS	Thường xuyên		
<p>Chỉ đạo tốt hoạt động của tổ tư vấn về tâm sinh lý cho học sinh, nhằm nắm bắt được nguyện vọng cũng như tâm tư, tình cảm, những vướng mắc của các em trong học tập, trong các mối quan hệ về bạn bè cùng và khác giới, về hoàn cảnh gia đình kịp thời, nhằm giáo dục, cảm hoá, giải thích giúp các em có định hướng đúng, có kỹ năng trong việc giải quyết những vấn đề cá nhân trong học tập và trong cuộc sống.</p>	Tổ tư vấn tâm lý học đường, Đoàn thanh niên	Thường xuyên		
<p>Tăng cường hoạt động NGLL, sinh hoạt tập thể để học sinh có điều kiện bộc lộ năng khiếu của mình, biết hoà đồng vào tập thể, xây dựng môi trường thân thiện, đoàn kết giữa các học sinh trong lớp với nhau và trong toàn trường. Tổ chức ngoại khoá về hoạt động tự quản lớp cho cán bộ lớp, cán bộ Chi đoàn.</p>	GVCN, Đoàn thanh niên			

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh là yếu tố con người, yếu tố quan trọng vừa là chủ thể, vừa là khách thể giữ vai trò nòng cốt trong mọi hoạt động, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả, chất lượng của các hoạt động giáo dục trong nhà trường nên những năm qua nhà trường đã tập trung đầu tư đến yếu tố này và đã có những ưu, nhược điểm sau:

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhiệt tình, có tâm huyết với sự nghiệp giáo dục tại địa phương, có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, đã qua nhiều năm công tác giảng dạy và quản lý nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác. Các loại hồ sơ quản lý, kế hoạch hoạt động, kế hoạch thi đua đầy đủ và cụ thể, biện pháp chặt chẽ. Đặc biệt đã tập hợp được sự đồng thuận cao của đội ngũ nên đã phát huy được sức mạnh tập thể mang lại thành tích cao cho nhà trường.

- Đội ngũ CBGVNV nhà trường đã ý thức được truyền thống của nhà trường, với bề dày thành tích của nhiều thế hệ đã dày công xây dựng nên đã không ngại khó, luôn phấn đấu nâng cao đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đạt hơn 15,6%. Hằng năm số giáo viên đạt CSTĐ, giáo viên giỏi có từ 5 người trở lên. Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, công việc được phân công đúng chuyên môn nghiệp vụ, có tính tự giác cao nên đã hoàn thành tốt công việc được giao.

- Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường luôn được Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt; 100% giáo viên được đánh giá loại khá trở lên; 100% nhân viên được đánh giá từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Đại bộ phận học sinh có ý thức trong rèn luyện và học tập. Các em chấp hành tốt an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường. Học sinh nhà trường có tinh thần và thái độ học tập tốt.

- Một vài giáo viên có hạn chế nhất định trong việc cập nhật, tiếp cận với thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho dạy học.

- Một số nhân viên trong công việc thiếu tính sáng tạo, nên có ảnh hưởng nhất định đến công tác chung của nhà trường.

- Với học sinh, vẫn còn một số ít học sinh chưa ngoan do thiếu sự quan tâm quản lý của gia đình hoặc có hoàn cảnh đặc biệt.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0%.
- + Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100%.
- + Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100%.
- + Đạt Mức 3: 4/4 tiêu chí chiếm 100%.

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Ghi chú
2.1	Đạt	Đạt	Đạt	
2.2	Đạt	Đạt	Đạt	
2.3	Đạt	Đạt	Đạt	
2.4	Đạt	Đạt	Đạt	

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường có khuôn viên xanh, sạch, đẹp, khu sân chơi bãi tập đảm bảo đúng quy định, có đầy đủ các khối phòng bộ môn, khối phòng hành chính, thư viện phục vụ việc học tập. Các tài liệu, đồ dùng dạy và học trong thư viện, các trang thiết bị được đầu tư mua sắm đầy đủ phục vụ có hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Khu vệ sinh được bố trí hợp lí, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6\text{m}^2/\text{học sinh}$; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10\text{m}^2/\text{học sinh}$; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có khuôn viên thoáng, mát, kang trang, cây xanh đảm bảo độ che phủ và được bố trí hợp lí; môi trường luôn được vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo mô hình trường xanh, sạch, đẹp, an toàn [H3-3.1-02];

- b) Cổng trường và hàng rào được xây dựng đúng quy định, đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ và đảm bảo an toàn, tường bao xây cao trên 2 m. Cổng chính có biển trường

ghi bằng chữ rõ ràng theo nội dung quy định tại Khoản 3, Điều 5 của Điều lệ trường trung học [H3-3.1-03];

c) Trường có khu sân chơi bằng phẳng. Hệ thống bãi tập bao gồm 02 sân bóng đá (Cỏ nhân tạo), sân bóng chuyền, sân bóng rổ, nhà đa năng, ... đảm bảo an toàn cho học sinh, đáp ứng tốt việc tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho học sinh và giáo viên nhà trường Các thiết bị phục vụ học tập thể dục, thể thao, học tập bộ môn GDQP AN của học sinh được nhà trường trang bị đầy đủ theo quy định [H3-3.1-04], [H1-1.6-04].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đảm bảo thực hiện thể dục, thể thao, tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho hơn 1200 học sinh và cán bộ, giáo viên trong trường [H3-3.1-02], [H3-3.1-04].

Mức 3:

Tổng diện tích đất của nhà trường được UBND huyện Đắk Mil giao quản lý và sử dụng là 21628,7 m² (Tại tổ dân phố 05, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông), đạt bình quân hơn 18m²/1 học sinh; khu sân chơi, bãi tập có diện tích khoảng hơn 1400 m² chiếm khoảng 66,6% tổng diện tích sử dụng của trường [H3-3.1-01], [H3-3.1-05], [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Diện tích tổng thể của nhà trường đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Khu sân chơi, bãi tập rộng, thoáng mát lại được đầu tư bài bản từ nhiều nguồn vốn khác nhau nên đáp ứng được nhu cầu để tổ chức các hoạt động giáo dục cũng như vui chơi, giải trí của giáo viên và học sinh.

- Diện tích mặt bằng của nhà trường tính theo đầu học sinh đạt hơn 18m²/HS. Trường lớp khang trang, thoáng mát, khu vui sân chơi bãi tập đáp ứng tốt mọi hoạt động. Cán bộ giáo viên và học sinh nhà trường đã nỗ lực trong việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

3. Điểm yếu

- Nhà trường vẫn còn thiếu một số công trình để đáp ứng nhu cầu cho những học sinh có năng khiếu riêng như: hồ bơi, khu cắm trại, vườn sinh học..

- Hệ thống tường rào đã xuống cấp nhưng chưa có kinh phí để sửa chữa, nâng cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
----------	-----------	-----------	-----------	---------

Xây dựng kế hoạch thay thế trang thiết bị đã xuống cấp, tu sửa các hạng mục xây dựng đã xuống cấp trên cơ sở thực tế để đề xuất Sở GD&ĐT cấp kinh phí thực hiện.	Nhà trường, Sở GD&ĐT, CMHS	Từ nay đến năm 2025	Đề nghị Sở GD&ĐT cấp kinh phí	
Đẩy mạnh việc huy động vốn từ nhiều nguồn viện trợ, tiết kiệm chi tiêu khác nhau để thay thế thiết bị có lộ trình, thời gian hợp lí.	Nhà trường	Từ nay đến năm 2025	Kinh phí chi thường xuyên và các nguồn thu hợp pháp khác	
Huy động các nguồn lực xã hội hoá từ cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp đầu tư vốn xây dựng bể bơi phục vụ công tác học tập và giảng dạy của giáo viên.	Nhà trường, CMHS	Từ nay đến năm 2025	Nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn thu hợp pháp khác	
Sử dụng có hiệu quả đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát, kiểm kê tài sản định kỳ, kịp thời sửa chữa các trang thiết bị hư hỏng nhẹ.	PHT phụ trách CSVC, Văn phòng	Từ nay đến năm 2025		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

- a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát;
- b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định; Có phòng hoạt động Đoàn, thư viện và phòng truyền thông.

Mức 2:

- a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh học tập.
- b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 30 phòng học, đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng. Các phòng học có đủ số bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh (24 bộ x 2HS), 01 bộ bàn ghế của giáo viên, 01 bảng viết (Bảng từ kích thước 1,2 x 3,6m), 01 tivi thông minh đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo cho toàn bộ học sinh nhà trường học 1 buổi, 1 số lớp học môn GDQP AN vào buổi chiều [H3-3.2-01];

b) Trường có đủ các phòng học bộ môn: Vật lí - Công nghệ ; Hóa học; Sinh học; phòng máy tính; Thư viện; Phòng nghe tiếng Anh... đảm bảo đủ các phòng học bộ môn theo quy định [H3-3.2-02].

Khối phòng làm việc: 11 phòng (văn phòng: 01, phòng hiệu trưởng: 01, phòng phó hiệu trưởng: 03, phòng Công đoàn: 01, phòng họp: 01, phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: 01, phòng Kế toán: 01, phòng Văn thư: 01, phòng tư vấn tâm lý học đường: 01, phòng Y tế: 01, nhà kho: 03; Các phòng phục vụ học tập và làm việc đảm bảo diện tích, được trang bị đủ bàn ghế và thiết bị theo quy định [H3-3.2-06], [H1-1.6-04].

Các khối phòng nói trên được sử dụng theo đúng chức năng nhằm phát huy tối đa hiệu quả phục vụ dạy và học. Để nâng cao hiệu quả công tác quản lí và bảo quản tài sản, nhà trường xây dựng nội quy và quy định sử dụng đối với từng loại phòng cụ thể;

c) Phòng hoạt động Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, phòng truyền thống nhà trường nằm ở khu nhà hiệu bộ; phòng thư viện nằm ở tầng 2 rộng rãi, có đủ sách báo, tài liệu phục vụ hoạt động dạy và học [H3-3.2-03].

Mức 2:

a) 100% các phòng học đảm bảo đúng quy cách về diện tích (2m²/hs) [H3-3.2-06];

b) Khối phục vụ học tập (Thư viện, nhà đa năng, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đoàn...) đủ về diện tích, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường theo quy định [H3-3.2-03], [H1-1.4-05], [H1-1.8-01].

Mức 3:

100% các phòng học có trang bị tivi thông minh 50". Phòng học bộ môn đảm bảo cơ sở vật chất về máy móc thiết bị theo quy định [H3-3.2-01], [H3-3.2-02], [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ các phòng học đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng để tự quản lí, bảo quản trang thiết bị, cơ sở vật chất trong phòng. Đảm bảo đủ số phòng học để thực hiện dạy và học 1 buổi, buổi còn lại giành để tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

- 100% các phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập đảm bảo đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định.

- 100% các phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập đảm bảo đầy đủ các thiết bị của phòng học được quy định tại Điều 44, Điều lệ trường trung học.

- 100% phòng học có trang bị tivi thông minh phục vụ cho hoạt động dạy và học.

3. Điểm yếu

- Số lượng phòng học thực hành Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học mới chỉ đáp ứng ở mức tối thiểu gây nhiều khó khăn trong việc thực hiện tốt chương trình giáo dục.

- Chưa có phòng học đa chức năng, cơ sở vật chất đã sử dụng lâu nên có dấu hiệu xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Nhà trường chú trọng đến việc sử dụng hiệu quả các phòng bộ môn để nâng cao chất lượng dạy học. Có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học và phòng bộ môn để sử dụng lâu dài.	Nhà trường, tổ Văn phòng	Thường xuyên	Kinh phí chi thường xuyên	
Tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương, với Ban đại diện CMHS để làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tranh thủ các nguồn kinh phí để không ngừng đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục.	UBND huyện Đăk Mil, CMHS	Từ nay đến năm 2025	Ngân sách nhà nước, vốn xã hội hóa	
Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ của công, cảnh quan nhà trường cho học sinh để các em có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản các thiết bị trong từng lớp học tốt hơn.	Đoàn thanh niên, GVCN	Thường xuyên		
- Tiếp tục khai thác tốt các tiện ích khôi phòng học, phòng học bộ môn và các khôi phục vụ học tập để	Tổ chuyên môn	Thường xuyên		

nâng cao hơn nữa công tác giáo dục của nhà trường.				
- Đẩy mạnh công tác tự làm đồ dùng dạy học, cấp kinh phí cho học sinh và giáo viên nghiên cứu khoa học kỹ thuật theo từng lĩnh vực đặc biệt là hoạt động Stem.	Tổ chuyên môn, giáo viên			
Năm học 2021 – 2022 nhà trường đã lập kế hoạch xây dựng trường học thông minh, khảo sát lắp đặt hệ thống internet đến tất cả các phòng học.	HT, CMHS	Năm học 2021 – 2022	Nguồn vốn xã hội hóa từ CMHS	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn; nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị và được sắp xếp hợp lý khoa học phục vụ tốt cho việc dạy và học của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng đầy đủ các hoạt động hành chính quản trị của nhà trường.

Có đầy đủ các phòng làm việc của Ban Giám hiệu, Văn phòng, Kế toán, Thủ quỹ đảm bảo cho các hoạt động hành chính và quản trị của nhà trường.

Các phòng tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đoàn đáp ứng yêu cầu các hoạt động giáo dục [H3-3.3-01], [H3-3.3-02];

- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

Nhà trường có khu để xe cho CBGVNV riêng biệt, khu vực để xe của học sinh được bố trí thuận tiện an toàn cho từng khối, lớp. Mỗi lớp đều có khóa xe và có người hướng dẫn các học sinh xếp xe, quản lý nhà xe [H3-3.3-03];

c) Hàng năm có kế hoạch sửa chữa bổ sung các thiết bị phục vụ khối hành chính [H1-1.4-05].

Mức 2:

Khối hành chính: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng Y tế, phòng bảo vệ, phòng nghỉ của giáo viên được thiết kế theo quy định thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.1-05].

Khu căng tin được bố trí hợp lý sạch sẽ vệ sinh [H3-3.3-05].

Nhà công vụ được xây dựng đáp ứng nhu cầu cho cán bộ, giáo viên và nhân viên sinh hoạt và đảm bảo sạch sẽ, có cảnh quan đẹp [H3-3.3-04].

Mức 3:

Khối hành chính quản trị được trang bị đầy đủ: máy tính, mạng internet, các thiết bị đồ dùng khác, được sắp xếp khoa học hợp lý hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.6-04], [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

- Các phòng của khối hành chính - quản trị đáp ứng tốt để các bộ phận làm việc, có đầy đủ trang thiết bị cho các bộ phận, kết nối internet nên các thông tin nhận và gửi nhanh chóng kịp thời.

- Bố trí khu để xe cho giáo viên và học sinh hợp lý nên bảo đảm an toàn trật tự, không ảnh hưởng đến làm việc và học tập.

3. Điểm yếu

Một số phòng diện tích còn nhỏ đặc biệt là phòng lưu trữ các loại hồ sơ trong điều kiện số lượng hồ sơ ngày càng nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Trong những năm học đến, nhà trường tích cực tham mưu với Sở GD&ĐT cấp kinh phí để cải tạo khu nhà làm việc, các dãy phòng học	HT, PHT phụ trách CSVC	Năm học 2023 - 2024	Ngân sách nhà nước	
Tiếp tục đầu tư trang bị các thiết bị đồ dùng dạy học ở các phòng bộ môn và phòng học. Thường xuyên chú trọng bảo trì, bảo dưỡng các máy vi tính để sử dụng được bền lâu.	PHT phụ trách CSVC, tổ chuyên môn	Hàng năm	Kinh phí chi thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khu vệ sinh riêng biệt dành cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh [H3-3.4-01];

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; Hệ thống cấp nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh.

Nước uống: trang bị tại các lớp học, các phòng làm việc các thùng nước uống đạt quy chuẩn chất lượng do các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận [H3-3.4-03];

c) Nhà trường có lò đốt rác và xử lý rác thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-05].

Hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng các lớp luân phiên nhau vệ sinh lớp, vệ sinh khu vực, vệ sinh nhà vệ sinh, làm sạch cảnh quan môi trường sư phạm [H3-3.4-04].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh được xây dựng phù hợp với cảnh quan và thuận tiện cho việc sử dụng theo đúng quy định. Khu vệ sinh được thiết kế tại cuối khu thực hành, thí nghiệm, có cầu nối giữa khu thực hành, thí nghiệm với lớp học để tiện cho sử dụng [H3-3.4-01];

b) Có hệ thống cấp và thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường có giếng khoan cung cấp đầy đủ nước và đảm bảo chất lượng cho việc sinh hoạt.

Nhà trường đã phân loại rác thải tại nguồn và xử lý hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

- Khu vệ sinh được xây dựng phù hợp với cảnh quan và thuận tiện cho việc sử dụng theo đúng quy định.

- Nhà trường đã trang bị dụng cụ để phân loại rác tại nguồn, xây dựng lò đốt rác và xử lý rác thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nhà trường luôn đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường, xây dựng cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn.

3. Điểm yếu

Ý thức của một số ít học sinh trong công tác giữ gìn vệ sinh môi trường chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tăng cường kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường, tuyên truyền ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, kết hợp với GVCN nhắc nhở học sinh duy trì tổng vệ sinh lớp học và phân loại rác tốt hơn, tính vào điểm thi đua hàng tuần của lớp.	PHT, GVCN, Văn phòng, Đoàn TN	Thường xuyên		
Đoàn thanh niên thành lập đội thanh niên “tình nguyện xanh” thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện vệ sinh môi trường trong và ngoài khu vực trường đối với toàn thể đoàn viên, thanh niên của nhà trường.	Đoàn TN	Thường xuyên		
Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường đến từng học sinh, có hình thức xử lý nghiêm đối với những học sinh thực hiện chưa tốt về vệ sinh lớp, trường.	Đoàn TN, GVCN	Thường xuyên		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ tốt cho công tác quản lí, hoạt động dạy và học.
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.
- c) Hàng năm được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị để hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị tự làm được khai thác sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động dạy và học của nhà trường [H3-3.5-01];
- b) Có đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu theo quy định [H3-3.5-01];
- c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa định kì có biên bản kiểm kê và kế hoạch mua sắm sửa chữa phù hợp [H3-3.5-02], [H1-1.6-04].

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ tốt cho công tác quản lí, hoạt động dạy và học [H3-3.5-03];
- b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.6-01];
- c) Hàng năm các thiết bị được bổ sung. Nhà trường khuyến khích giáo viên và học sinh tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học [H3-3.5-05].

Mức 3:

- a) Phòng thí nghiệm, phòng thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị cho các hoạt động dạy và học diễn ra liên tục trong năm học [H3-3.5-01], [H3-3.5-04];
- b) Thiết bị dạy học, thiết bị tự làm được khai thác sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-04];
- c) Phối hợp với cha mẹ học sinh trang bị hệ thống tivi tại tất cả các lớp học [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường được cung cấp đầy đủ trang thiết bị văn phòng, kịp thời mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ tốt cho nhu cầu dạy và học cũng như nghiên cứu khoa học.

- Thiết bị dạy học, thiết bị tự làm được khai thác sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

- Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn, nhiệt tình tâm huyết với nghề, các em học sinh rất hứng thú trong các tiết thực hành.

- Trang bị hệ thống tivi thông minh 52’’ tại tất cả các lớp học.

- Phủ sóng wifi cho toàn trường phục vụ nhu cầu học tập và giảng dạy cũng như nhu cầu giải trí của giáo viên và học sinh trong những thời gian nghỉ ngơi.

3. Điểm yếu

- Một số thiết bị thí nghiệm môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học sử dụng lâu nên đã hư hỏng, xuống cấp; thiết bị được cấp về thiếu đồng bộ nên việc sử dụng trong giảng dạy hiệu quả chưa cao.

- Các thiết bị của phòng thí nghiệm được cấp chỉ đạt ở mức tối thiểu nên trong quá trình sử dụng còn gặp nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Lập kế hoạch khai thác sử dụng thiết bị thí nghiệm hợp lí đảm bảo cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.	PHT phụ trách CSVC, tổ chuyên môn	Đầu năm học, hàng tháng		
Tăng cường công tác kiểm tra, có kế hoạch sửa chữa mua bổ sung thiết bị hàng năm để phục vụ cho công tác giảng dạy.	PHT phụ trách CSVC, tổ chuyên môn	Đầu năm học, hàng tháng		
Khuyến khích giáo viên và học sinh làm đồ dùng dạy học, tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học, thi thiết bị thí nghiệm giỏi.	Tổ chuyên môn, giáo viên, Công đoàn	Theo kế hoạch năm		
Tiếp tục đề nghị cấp trên cấp kinh phí cải tạo, sửa chữa.	HT	Đầu năm học		
Tham mưu các cấp bổ sung nhân viên các phòng học bộ môn đúng nghiệp vụ để công tác phục vụ thiết bị dạy học, khoa học hơn. Tăng	HT, Sở GD&ĐT	Cuối năm học liền kề trước		

<p>cường tuyên truyền về vai trò của cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình dạy học. Từ đó, tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức của cán bộ, giáo viên trong việc khai thác tối đa các cơ sở vật chất hiện có của nhà trường. Tránh tình trạng trường đầu tư nhiều nhưng giáo viên không sử dụng hoặc sử dụng không đúng cách dẫn đến bị hỏng.</p>				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học tiên tiến trở lên. Trang bị máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu quản lý thư viện.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01];

b) Thư viện hoạt động đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh [H3-3.6-04], [H3-3.6-07];

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-02], [H3-3.6-06].

Mức 2:

Thư viện nhà trường đạt Thư viện chuẩn [H3-3.6-04].

Mức 3:

- Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT, ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-04].

- Hệ thống máy tính của Thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-08].

2. Điểm mạnh

- Thư viện nhà trường có diện tích tương đối rộng, thoáng mát với nhiều nguồn sách, báo được bổ sung hằng năm.

- Hệ thống thiết bị công nghệ thông tin trong thư viện được trang bị đầy đủ, đảm bảo phục vụ tốt cho giáo viên và học sinh cũng như cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

- Có nhiều loại sách tham khảo hay phục vụ cho CBGVNV và học sinh. Số lượng đầu sách, thể loại sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo đa dạng về thể loại và phong phú về chủng loại đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, học tập của CBGVNV và học sinh. Hàng năm nhà trường luôn giành một nguồn kinh phí nhất định để trang bị thêm các đầu sách phục vụ cho giáo viên và học sinh nghiên cứu và học tập.

- Thư viện nhà trường được sử dụng có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường, thu hút được số lượng CB, GV, NV và HS đến với thư viện ngày càng nhiều.

3. Điểm yếu

Mặc dù số lượng giáo viên, học sinh đến thư viện ngày càng nhiều. Tuy nhiên, nguồn kinh phí để bổ sung tài liệu, sách báo hàng năm chưa thật sự đa dạng, diện tích thư viện chưa đáp ứng được chỗ ngồi khi giáo viên và học sinh đến đông, chưa có khu vực giành riêng cho giáo viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tiếp tục duy trì kế hoạch hoạt động của thư viện theo quy định của Bộ, Sở GD&ĐT. Duy trì, giữ vững Thư viện chuẩn và xây dựng hoàn chỉnh thư viện điện tử giai đoạn 2020 – 2025 để nâng cao dung lượng phục vụ nghiên cứu và học tập.	Nhân viên thư viện	Từ nay đến năm 2025		
Trang bị thêm các loại sách, báo, các văn bản quy phạm pháp luật cho thư viện bằng nguồn kinh phí nhà	Văn phòng, Đoàn	Hàng năm	Kinh phí chi thường	

trường, phát động phong trào tuyên góp sách trong học sinh đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu tài liệu trên thư viện nhà trường của giáo viên và học sinh.	thanh niên		xuyên, huy động quyên góp từ GV, HS	
Tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên phụ trách thư viện, tham gia các lớp bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ thư viện của bản thân. Kịp thời tham mưu, đề xuất với lãnh đạo nhà trường bổ sung những đầu sách tham khảo phù hợp với nhu cầu của giáo viên và học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.	HT, nhân viên thư viện	Hàng năm	Kinh phí chi thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 3:

- Nhà trường có đủ các phòng học, các công trình phụ trợ và thiết bị dạy học. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, có hệ thống camera an ninh đảm bảo an ninh tốt, có nhà Đa năng và sân luyện tập thể dục, thể thao.

- Các phòng học đảm bảo quy cách số lượng và chất lượng bàn ghế, bảng viết, ánh sáng.

- Nhà trường có kế hoạch tăng cường công tác quản lí, khai thác sử dụng có hiệu quả các khối phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập; tiếp tục đầu tư trang bị thêm các thiết bị y tế nhằm đảm bảo tốt hơn nữa công tác chăm sóc sức khỏe cho CBGVNV và học sinh nhà trường.

- Có đủ nhà vệ sinh riêng biệt cho CB, GV, NV và học sinh đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, thuận tiện.

- Có nhà xe riêng biệt cho giáo viên và học sinh đảm bảo an toàn, tiện lợi.

- Nguồn cung cấp nước sạch cho giáo viên và học sinh đảm bảo vệ sinh theo quy định của ngành y tế.

- Thư viện có cán bộ chuyên trách, được trang bị đầy đủ tài liệu phục vụ tốt công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh. Trang bị máy tính được kết nối internet phục vụ tốt công tác tra cứu tài liệu. Thư viện nhà trường đạt Thư viện chuẩn theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT, ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ý thức bảo vệ tài sản và cảnh quan môi trường của 1 số học sinh còn hạn chế.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 3: 5/5 tiêu chí chiếm 100%

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Ghi chú
3.1	Đạt	Đạt	Đạt	
3.2	Đạt	Đạt	Đạt	
3.3	Đạt	Đạt	Đạt	
3.4	Đạt	Đạt	-	
3.5	Đạt	Đạt	Đạt	
3.6	Đạt	Đạt	Đạt	

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Công tác giáo dục có một vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, xác định rõ vai trò, vị trí của nền giáo dục, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính quyền trong những năm qua các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, cá nhân đã có nhiều đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nền giáo dục nước nhà nói chung và giáo dục địa phương Đắk Nông nói riêng.

Để góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục không thể không nói đến mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã, đang và sẽ được phát huy hiệu quả trong nhiều hoạt động, nhất là trong công tác phối hợp giáo dục đạo đức cho học sinh, trong các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, công tác vận động xã hội hóa, hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy học.... Ngoài ra mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền ở địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng được gắn kết. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển chung của trường THPT Trần Hưng Đạo trong những năm qua.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động nhà trường vẫn còn gặp một số khó khăn đó là: Những tác động, ảnh hưởng xấu của tệ nạn xã hội đến tâm lý lứa tuổi học sinh THPT, trình độ nhận thức về giáo dục của một bộ phận cha mẹ học sinh chưa đầy đủ, chưa đúng, hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và một số tổ chức đoàn thể ở địa phương còn mang tính hình thức, thụ động.

Tiêu chí 4. 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu mỗi năm học nhà trường đều tổ chức họp cha mẹ học sinh bầu Ban đại diện CMHS các lớp theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, trong đó có 01 trưởng ban, 01 uỷ viên và 01 thư ký. Ban đại diện CMHS thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo Điều lệ. Các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh [H4-4.1-01].

Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp được tổ chức, thông qua hội nghị này Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã được thành lập theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, hoạt động theo đúng Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận. Các nội dung thảo luận, thống nhất trong Ban đại diện cha mẹ học sinh được ghi trong biên bản cuộc họp. Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS được xây dựng rõ ràng [H4-4.1-02].

Trong năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức các cuộc họp thường kỳ: vào đầu năm, cuối học kỳ I và vào cuối năm học; khi có công việc cần thiết Ban đại diện CMHS còn tổ chức họp đột xuất. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện CMHS thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ và cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học như tạo điều kiện về thông tin, tài liệu, thời gian, địa điểm, bàn ghế, loa máy phục vụ để Ban đại diện CMHS tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất; Luôn phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS trong công tác giáo dục học sinh [H4-4.1-05].

Ban đại diện CMHS tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Nhà trường tổ chức các cuộc họp với cha mẹ học sinh thông qua GVCN lớp và trực tiếp họp với Ban đại diện CMHS lớp, Ban đại diện CMHS trường để trao đổi, chia sẻ, tiếp thu ý kiến về các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh

và góp ý kiến cho các hoạt động của Ban đại diện CMHS, các phiên họp đều có 100 % CMHS tham gia và nhất trí cao với kế hoạch năm học của nhà trường [H4-4.1-02].

Tuy nhiên, vẫn còn một vài thành viên trong Ban đại diện CMHS chưa thật sự phát huy hết chức năng, nhiệm vụ.

Mức 2:

Trong quá trình hoạt động, Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS thông qua việc lồng ghép vào các cuộc họp ở địa phương; Cùng nhà trường tham gia huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Ngoài ra Ban đại diện cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp, các mạnh thường quân đã tích cực hỗ trợ cơ sở vật chất cho nhà trường như:

Xây dựng tường rào khu Giáo dục thể chất (2016-2017); trang bị phòng máy cho học sinh (2017-2018); xây dựng thêm 1 nhà để xe cho học sinh, trang bị hệ thống camera các dãy phòng học (2018-2019); mua hóa chất phòng thí nghiệm, tư vấn thiết kế khu Giáo dục thể chất, cải tạo nhà vệ sinh học sinh, xây dựng 1 phòng tiếp khách, 1 phòng làm việc cho Đoàn thanh niên (2019-2020); xây dựng 2 sân bóng đá mini (2020-2021)... Hỗ trợ nhà trường trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục; Khen thưởng học sinh tiên tiến, học sinh giỏi và học sinh có nhiều thành tích khác [H4-4.1-03].

Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức Hội giảng chào mừng các ngày lễ lớn như ngày 20/10, 20/11, 8/3...; tuyên truyền về an toàn giao thông, giáo dục pháp luật, các buổi sinh hoạt chủ điểm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm giáo dục hướng nghiệp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H4-4.1-04].

Mức 3:

Hàng năm, Ban đại diện CMHS đã có sự phối hợp chặt chẽ với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ như: Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh, vận động học sinh đến lớp, thăm hỏi, động viên các em học sinh hoàn cảnh gia đình khó khăn, học sinh bị bệnh hiểm nghèo... [H4-4.1-06], [H4-4.1-07], [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Ban đại diện CMHS nhà trường hoạt động tích cực, nhiệt tình, giành thời gian và công sức cho công tác vận động học sinh đến lớp và luôn đồng hành với trường trong các hoạt động giúp đỡ, hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu và học sinh đạt thành tích cao trong học tập và các hoạt động giáo dục.

- Việc huy động đóng góp về kinh phí để tu bổ cơ sở vật chất hàng năm của nhà trường luôn được sự đồng tình ủng hộ từ cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh nhiệt tình, luôn quan tâm đến các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong Ban đại diện CMHS của lớp và của trường chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp, của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
<p>Tiếp tục kiện toàn, củng cố tổ chức Ban đại diện CMHS trường, lớp. Tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện CMHS trường, lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành.</p>	<p>Nhà trường, Ban đại diện CMHS</p>	<p>Từ nay đến năm 2025</p>		
<p>Xây dựng kế hoạch phối hợp cụ thể giữa Ban đại diện CMHS nhà trường với Ban đại diện CMHS của mỗi lớp; giữa Ban đại diện CMHS với các đoàn thể xã hội ở địa phương trong việc giáo dục con em về pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hóa, sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, an toàn giao thông, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường.</p>	<p>Ban đại diện CMHS các lớp, trường, địa phương</p>	<p>Hàng năm</p>		
<p>Tăng cường sự trao đổi thông tin một cách kịp thời giữa nhà trường và gia đình thông qua sổ liên lạc, thư điện tử, điện thoại. Tăng cường việc trao đổi giữa Lãnh đạo nhà trường và Ban đại diện CMHS để hiệu quả hoạt động của Ban đại diện CMHS ngày càng đạt chất lượng cao; nhà trường chỉ đạo GVCN tăng cường trách nhiệm làm tốt công tác phối hợp tuyên truyền vận động những bậc cha mẹ học sinh tiêu biểu tâm huyết với giáo dục, nhiệt tình tham gia vào công việc chung, hưởng ứng và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện CMHS đề ra. Tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ mật thiết giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS, nhất là giữa GVCN với cha</p>	<p>Nhà trường, CMHS</p>	<p>Thường xuyên</p>		

mẹ học sinh yếu, học sinh chưa ngoan để cùng tìm ra giải pháp chung trong việc giáo dục các em tiến bộ thông qua hệ thống liên lạc điện tử, trao đổi trực tiếp và tiếp công dân				
Xây dựng quy chế hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh phù hợp thực tiễn và văn bản quy định của các cấp.	Ban đại diện CMHS nhà trường	Hàng năm		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường, bổ sung và nâng cao các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia; Công tác giáo dục tại địa phương

được quan tâm đưa vào các Nghị quyết của Đảng bộ, HĐND huyện hằng năm nhằm tạo cơ sở pháp lý để nhà trường hoàn thành nhiệm vụ. Việc hỗ trợ kinh phí để tu bổ cơ sở vật chất tuy không nhiều nhưng là nguồn đông viên lớn cho nhà trường. Công an và ban bảo vệ dân phố luôn có mặt kịp thời khi có hiện tượng gây rối trật tự bên ngoài cổng trường [H4-4.2-01];

b) Trong các Hội nghị của Đảng bộ và Hội đồng nhân dân, nhà trường luôn có ý kiến ở Hội nghị nhằm trao đổi thêm về mục tiêu giáo dục, nhiệm vụ phải làm đối với CMHS, lắng nghe các ý kiến phản hồi của nhân dân thông qua tiếp xúc cử tri và phản hồi kịp thời, tích cực nên có sự đồng cảm nhất định. Ngoài ra việc tăng cường giao tiếp, tiếp xúc với nhân dân, các tổ chức khác là kênh tuyên truyền, vận động hiệu quả nhất;

c) Công tác huy động và sử dụng nguồn lực trong các năm qua tương đối đáng kể, sửa chữa công trình vệ sinh cho học sinh, sửa chữa nhà đa năng. Hằng năm, Ban Đại diện CMHS và thầy cô thăm và tặng quà, học bổng cho học sinh trường. Tất cả các nguồn được sử dụng có hiệu quả cho nhà trường nói chung và học sinh nói riêng [H4-4.1-03].

Mức 2

a) Bám sát nội dung về chiến lược phát triển giáo dục, nhà trường đã tích cực tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện tốt các phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển mà nhà trường đã đề ra, chú trọng đẩy mạnh việc trang bị cơ sở vật chất như đầu tư xây mới phòng học, các thiết bị bên trong phục vụ học tập như ti vi, máy vi tính; đầu tư về quan cảnh trường lớp, chất lượng giáo dục từ đó nâng cao vị trí của nhà trường trong tỉnh [H4-4.1-03];

b) Trong nhiều năm qua, nhà trường đã phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để tranh thủ sự quan tâm, chăm lo cho công tác giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Nhà trường phối hợp đồng bộ với các tổ chức đoàn thể trong cuộc vận động “Hai không” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trên cơ sở thống nhất cam kết thực hiện bằng văn bản, kiểm tra việc thực hiện bằng kết quả kiểm tra, đánh giá cho từng thời điểm.

Nhà trường đăng ký và đã được UBND huyện chấp thuận cho phép chăm sóc di nghĩa trang liệt sĩ. Định kỳ hằng tháng, Đoàn thanh niên tổ chức cho học sinh dọn vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ.

Nhà trường cũng đã ký kết với Công an Thị trấn Đăk Mil trong việc gìn giữ an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường, phối hợp hiệu quả với Đoàn TN, để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh thông qua các môn học và đặc biệt là chương trình ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các câu lạc bộ Văn học, Tiếng Anh, Lịch sử [H4-4.2-01], [H1-1.10-08].

Nhà trường đã phối hợp với Trung tâm Y tế Huyện Đăk Mil, Đoàn thanh niên, cán bộ Y tế nhà trường tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề cho học sinh như: Tuyên truyền về tác hại của thuốc lá, tuyên truyền sức khỏe sinh sản vị thành niên, việc phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống HIV, AIDS... [H4-4.2-01], [H1-1.10-08].

Nhà trường cũng đã phối hợp với Đoàn thanh niên tuyên truyền về các ngày lễ kỷ niệm trong năm như ngày học sinh sinh viên (9/1), ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2), ngày thành lập ĐTN (26/3), ngày sinh nhật Bác (19/5), ngày thương binh liệt sỹ (27/7), ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11), ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12)..., ngoài ra, còn tổ chức cho học sinh tham quan các di tích lịch sử như Đồi 722 – xã Đăk Săk, Nhà ngục Đăk Mil, lao động dọn vệ sinh và viếng Nghĩa trang liệt sỹ Huyện Đăk Mil... Thông qua các hoạt động này đã giáo dục cho học sinh kỹ năng sống, truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, lòng tự hào và ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc [H4-4.2-01].

Tham gia đầy đủ các Hội diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn do Huyện Đăk Mil, Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Đăk Nông, Tỉnh đoàn tổ chức và đạt kết quả cao.

Tham gia đầy đủ các hoạt động TDTT do Huyện Đăk Mil tổ chức, Hội khỏe Phù Đổng, hội thao Quốc phòng do Sở Giáo dục và Đào tạo Đăk Nông tổ chức [H5-5.2-01].

Trường tích cực huy động các nguồn lực của cá nhân và tập thể, nhất là từ nguồn xã hội hóa để xây dựng cơ sở vật chất trường học ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy và học, đồng thời đã dành nhiều kinh phí để khuyến khích, khen thưởng cho học sinh có thành tích cao trong học tập [H4-4.1-03].

Mức 3:

Nhà trường luôn làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban đại diện CMHS, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm... trong việc hỗ trợ học sinh đến lớp, giúp đỡ học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn, huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường... Từng bước đưa nhà trường trở thành trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương [H4-4.1-03], [H3-3.1-04].

Tuy nhiên, nhà trường chỉ mới huy động được một số ít doanh nghiệp, cá nhân ủng hộ để xây dựng cơ sở vật chất nên nguồn lực chưa dồi dào, chưa tương xứng với tiềm năng.

2. Điểm mạnh

- Với bề dày thành tích trong nhiều năm qua, trường THPT Trần Hưng Đạo đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm, đầu tư xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhờ vậy nhà trường đã có nhiều thuận lợi hơn trong công tác xã hội hóa giáo dục, định hướng phát triển nhà trường, giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, tuyên truyền vận động các gia đình chăm lo con em, đóng góp sức người, sức của xây dựng nhà trường và hỗ trợ tốt cho các phong trào chung ngày một phát triển.

- Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức có hiệu quả các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, “Uống nước nhớ nguồn”...

- Hàng năm nhà trường huy động được trên dưới 400 triệu đồng từ các nguồn để xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó

khăn, khuyến khích, động viên những học sinh có thành tích cao trong các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số ít CMHS vẫn còn thiếu sự phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục con em, chưa tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất của con em mình để cùng với nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hơn nữa việc phối kết hợp với các cấp chính quyền, các đoàn thể ở địa phương trong việc vận động học sinh ra lớp, giáo dục đạo đức học sinh trong thời gian nghỉ hè. Phấn đấu không có học sinh bỏ học trong hè. Chủ động hơn nữa trong việc tham mưu xây dựng các mô hình vui chơi cho các em trong trường nói riêng và trên địa bàn nói chung.	Nhà trường, địa phương	Thời gian nghỉ hè		
Nhà trường thường xuyên kêu gọi tất cả các cá nhân có liên quan vận động mạnh thường quân, tổ chức đoàn thể ngoài nhà trường hỗ trợ thường xuyên cho nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn.	Ban giám hiệu	Hàng năm	Kinh phí huy động từ các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm..	
Tăng cường các biện pháp, hình thức tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục thông qua các kỳ họp phụ huynh học sinh học sinh, các phương tiện thông tin đại chúng, website nhà trường và các hội nghị của địa phương.	Toàn trường	Đầu năm, giữa năm và cuối năm		
Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về truyền thống của nhà trường, di	Đoàn thanh	Thường xuyên		

<p>tích lịch sử địa phương; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền như: Tổ chức sinh hoạt truyền thống để giáo dục học sinh. Giáo dục ý thức “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” qua các tiết học chính khóa và ngoại khóa để học sinh ý thức sâu sắc được ý nghĩa của việc thực hiện các hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Từ đó có ý thức tự giác thực hiện hoạt động có ý nghĩa nhân văn này ở mọi lúc, mọi nơi.</p>	<p>niên, GVCN</p>			
<p>Tiếp tục duy trì và tăng cường các chuyên đề như: Tư vấn phân luồng tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp nghề., giáo dục học sinh chưa ngoan, tư vấn kiến thức sức khỏe sinh sản vị thành niên. Tăng cường công tác tham mưu cho các cấp ủy Đảng thông qua các cuộc họp Chi bộ trong việc chỉ đạo phối kết hợp các lực lượng xã hội góp phần giáo dục học sinh.</p>	<p>Nhà trường, Đoàn TN, các đơn vị có liên quan..</p>	<p>Thường xuyên</p>		
<p>Tăng cường tham mưu với UBND huyện về công tác tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh của huyện về các chủ trương, quan điểm của ngành giáo dục. Tiếp tục duy trì phối kết hợp với các Hội, Đoàn thể của địa phương trong việc vận động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số.</p>	<p>Nhà trường, địa phương</p>	<p>Hàng năm</p>		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

- Đã có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của cả ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội, trong đó nhà trường đã giữ vai trò chủ đạo của mình: đã chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và làm tốt công tác tuyên truyền phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của học sinh; tạo sự đồng thuận và có sự phối hợp trách nhiệm của gia đình và xã hội cùng nhà trường trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Ban đại diện CMHS trường và các Ban đại diện CMHS các lớp được tổ chức hoạt động có hiệu quả, đúng theo Điều lệ Ban đại diện CMHS của Bộ GD&ĐT; hoạt

động tích cực, nhiệt tình, dành thời gian và công sức cho công tác vận động học sinh đến lớp và luôn đồng hành với nhà trường trong các hoạt động giúp đỡ, hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giáo dục học sinh.

- Giữa nhà trường và chính quyền, các đoàn thể, tổ chức xã hội ở địa phương, thông qua định kì họp giao ban giữa nhà trường với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn để cùng phối hợp trong công tác giáo dục học sinh. Đảng bộ, chính quyền ở địa phương thật sự quan tâm đến sự nghiệp giáo dục thông qua công tác tham mưu. Các nội dung về giáo dục đều được dành phần thích đáng trong các nghị quyết, nhờ đó mà nhà trường đã tăng cường, phát huy được vai trò các đoàn thể, hội khuyến học, Ban đại diện CMHS trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục một cách vững chắc và toàn diện.

- Một số hạn chế như: một số cá nhân trong Ban đại diện CMHS của lớp và của trường chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp và của trường; một số chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em, một số học sinh vẫn chưa có ý thức cao đối với công tác xã hội.

- Việc huy động nguồn lực tự nguyện còn hạn chế và khó khăn do tình hình kinh tế tại địa phương không ổn định.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 3: 2/2 tiêu chí chiếm 100%

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Ghi chú
4.1	Đạt	Đạt	Đạt	
4.2	Đạt	Đạt	Đạt	

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Căn cứ trên các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch năm học, kế hoạch các hoạt động giáo dục. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phát huy phẩm chất năng lực của học sinh. Duy trì các hoạt động thao giảng, dự giờ, viết sáng kiến/nghiên cứu khoa học, thi giáo viên giỏi và giáo viên chủ nhiệm giỏi, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý. Công tác chủ nhiệm được quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý học sinh, thúc đẩy động lực cho học sinh giỏi và giúp đỡ các học sinh yếu kém vươn lên trong rèn luyện đạo đức và học tập.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống thường xuyên được tổ chức lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp các em hiểu biết hơn và có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống từ đó tự điều chỉnh bản thân để có các hành vi ứng xử phù hợp.

Vì vậy, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hằng năm đều tăng, kết quả học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, thể dục thể thao và tham gia các hội thi khác có hiệu quả cao.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ vào chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học do Bộ GD&ĐT ban hành; hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông, nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch năm học theo định hướng bám sát các mục tiêu giáo dục, đáp ứng được quan điểm chỉ đạo của Đảng, tinh thần Nghị Quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như các hướng dẫn tổ chức thực hiện và được Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông phê duyệt. Trong đó:

- Đảm bảo tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục cấp học THPT với khung thời gian 37 tuần (học kỳ I: 19 tuần,

học kỳ II: 18 tuần), từ năm học 2020 - 2021 với khung thời gian 35 tuần (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc học kỳ I, kết thúc năm học theo quy định, có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành, kiểm tra định kỳ [H5-5.1-03].

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khóa về khoa học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh và điều kiện cho phép của nhà trường [H5-5.1-10];

b) Chất lượng giáo dục là thước đo để đánh giá hiệu quả công tác dạy và học của nhà trường, do đó nhà trường trước tiên rất chú trọng việc triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học; công văn số 535/BGDĐT- GDTrH ngày 27/5/2013 về áp dụng phương pháp "Bàn tay nặn bột" và các phương pháp dạy học tích cực khác; đổi mới đánh giá giờ dạy giáo viên, xây dựng tiêu chí đánh giá giờ dạy dựa trên Công văn số 5555/BGDĐT- GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT; công văn số 4612/BGDĐT- GDTrH, về hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; các văn bản hướng dẫn của cấp quản lý về vấn đề trên đến toàn thể đội ngũ giáo viên của nhà trường và chỉ đạo thực hiện. Từ đó:

- Giáo viên của nhà trường đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học từ tiếp cận kiến thức chuyển sang tiếp cận năng lực học sinh, thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học, sắp xếp các hoạt động dạy và học hợp lý, phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình giáo dục. Vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H5-5.1-01], [H5-5.1-05]

- Đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành trong các môn học, bảo đảm cân đối giữa việc tổ chức cho học sinh lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ hành vi cho học sinh, sử dụng hợp lý thiết bị, đồ dùng dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với các hoạt động học của học sinh. Tăng cường hướng dẫn học sinh rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-04];

c) Đánh giá kết quả học tập của học sinh là một hoạt động rất quan trọng trong quá trình giáo dục. Là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của học sinh nhằm tạo cơ sở cho những điều chỉnh sự phạm của giáo viên, các giải pháp quản lý của nhà trường và cho bản thân học sinh, để học sinh học tập đạt kết quả tốt hơn.

- Nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo

dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình hiện hành. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập [H1-1.4-03].

- Đối với bài kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên và bài kiểm tra học kỳ của 8 môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, tiếng Anh nhà trường thực hiện theo phương thức tập trung, chia 24 học sinh/phòng thi, có đánh số báo danh. Công cụ đánh giá là đề kiểm tra được xây dựng trên ma trận đề thống nhất của tổ/nhóm chuyên môn, thực hiện chấm bài bằng máy đối với hình thức kiểm tra trắc nghiệm và có cắt phách đối với bài tự luận chấm tay [H5-5.1-07].

Nhìn chung khâu kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo thực chất, công bằng, khách quan, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục theo quy định. Đảm bảo thực hiện dạy đủ tất cả các bộ môn và các hoạt động giáo dục khác; hoàn thành kết hoạch giáo dục theo khung thời gian quy định chung trong toàn tỉnh.

Hàng năm, nhà trường tổ chức bàn giao chất lượng giáo dục cho các tổ bộ môn, với mục tiêu đảm bảo chất lượng và hướng tới sự tăng trưởng, các tổ bộ môn đã chú trọng trong việc nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, tập trung thảo luận trao đổi thống nhất sắp xếp lại nội dung dạy học với thời lượng phù hợp, được phê duyệt của hiệu trưởng để triển khai thực hiện đại trà, từ đó mỗi giáo viên có sự lựa chọn phương pháp và hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh của lớp mình phụ trách nhằm đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh, đáp ứng mục tiêu chất lượng đề ra [H5-5.1-02]; [H5-5.1-11].

b) Đầu mỗi năm học, nhà trường đã triển khai công tác phát hiện học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện, xây dựng kế hoạch thực hiện.

Nhà trường đã lập được danh sách học sinh có năng khiếu về các môn văn hóa, thể dục thể thao, văn nghệ,... và tổ chức các lớp ôn luyện. Công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu luôn được nhà trường chú trọng, đưa ra khung thời gian ôn luyện hợp lý, chỉ đạo tổ bộ môn thảo luận, lựa chọn các chủ đề và phân công những giáo viên có tay nghề cao phụ trách, do đó kết quả đạt được đáng khích lệ [H5-5.1-06], [H5-5.1-08].

Thông qua việc bàn giao chất lượng bộ môn đầu mỗi năm học, nhà trường cũng đã giao nhiệm vụ cho giáo viên trực tiếp giảng dạy có kế hoạch hỗ trợ kiến thức cho những học sinh có học lực yếu kém để giúp học sinh có thể vươn lên trong học tập, duy trì chất lượng giáo dục; giáo viên chủ nhiệm lưu tâm, hướng dẫn học sinh làm hồ sơ và báo cáo nhà trường để thực hiện các chế độ hỗ trợ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội học tập cho các em [H5-5.1-09].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện việc rà soát, nhận xét đánh giá về các hoạt động giáo dục của nhà trường một cách kịp thời sau mỗi hoạt động. Từ đó đưa ra các nhận định, đánh giá về hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục đã thực hiện, đề ra những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh trong chu trình tiếp theo [H5-5.1-04], [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Giáo viên nhà trường rất tích cực vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; luôn tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn trong từng tiết dạy và giáo dục.

- Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra và phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, quá trình kiểm tra đánh giá có ý nghĩa trong việc thúc đẩy hiệu quả của quá trình dạy, học.

- Nhà trường quan tâm phát hiện và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhìn chung chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được giữ vững và có xu hướng phát triển.

- Các hoạt động giáo dục khác được chú trọng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú tạo được sự hấp dẫn, kỹ năng vận dụng, sáng tạo cho học sinh, năng khiếu của HS được phát hiện, bồi dưỡng kịp thời. Kết quả các kỳ thi nhà trường luôn đứng ở top đầu.

3. Điểm yếu

Cuối năm số lượng học sinh có học lực xếp loại yếu còn tương đối cao; học sinh vẫn còn học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Lãnh đạo nhà trường, các tổ chuyên môn tiếp tục duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng xây dựng kế hoạch chuyên môn, kế hoạch giảng dạy của cá nhân, triển khai thực hiện có hiệu quả. Chú trọng công tác phụ đạo học sinh yếu kém nhằm từng bước giảm tỉ lệ học sinh lưu ban.	HT, các PHT, tổ chuyên môn	Hàng tuần, tháng và năm học		
Tiếp tục duy trì và chuẩn bị đầy đủ hơn nữa về các điều kiện cho các hoạt động giáo dục khác được diễn ra theo	Toàn trường	Thường xuyên		

kế hoạch, mang lại hiệu quả thiết thực.				
Đa dạng hóa hơn nữa việc tổ chức các hoạt động giáo dục khác, nội dung tổ chức mang tính phát huy sự sáng tạo, vận dụng của học sinh nhiều hơn.	Tổ chuyên môn	Theo kế hoạch năm học		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.2-01];

b) Nhà trường có tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm tiến hành tìm hiểu về chất lượng giáo dục 2 mặt của lớp chủ nhiệm thông qua bảng điểm cuối năm trước, tìm hiểu lý lịch học sinh, nắm bắt thông tin từng học sinh trong lớp mình ngay từ đầu năm học để biết được những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường phù hợp [H1-1.5-02].

Thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định đối với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; đề cử tên các em để nhận các suất học bổng, các suất quà của các nhà tài trợ dành cho học sinh nghèo vượt khó, học sinh có tài năng; thực hiện chính sách miễn/giảm tiền học thêm để tạo điều kiện cho các em có cơ hội được học tập. Ngoài ra giáo viên chủ nhiệm là người theo dõi sát tình hình học tập và rèn luyện của từng học sinh trong lớp, có sự trao đổi thường xuyên với tập thể sư phạm nhà trường những học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để có sự hỗ trợ từ giáo viên [H5-5.2-03].

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh có học lực yếu [H5-5.1-09].

Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi có hiệu quả [H5-5.1-08];

c) Hằng năm nhà trường có sự rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Từ đó để ghi nhận những thành tích đã đạt được, nhìn nhận những mặt còn chưa được, toàn bộ kế hoạch hoạt động được rà soát, đánh giá lại để có cơ sở triển khai kế hoạch ở năm tiếp theo [H1-1.4-05].

Mức 2:

Với việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiêm túc, thành tích đội tuyển học sinh giỏi bộ môn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh của nhà trường trong những năm qua có sự tăng về số lượng và chất lượng giải. Thành tích của các cuộc thi khác, hoạt động phong trào cũng đạt được những kết quả cao được các cấp thẩm quyền ghi nhận. Học sinh có học lực yếu kém giảm, đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục, không có học sinh bỏ học vì có hoàn cảnh gia đình khó khăn [H5-5.2-04], [H1-1.4-05].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận [H5-5.2-04].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có sự quan tâm, xây dựng và triển khai đầy đủ kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện trong từng năm học.

- Các tổ chuyên môn đã bám sát các chỉ tiêu giáo dục của nhà trường để xây dựng kế hoạch chuyên môn phù hợp. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, hết lòng vì học sinh đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm luôn quan tâm đến các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, giúp các em hòa nhập với cộng đồng và đáp ứng được mục tiêu giáo dục đã đề ra.

- Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi luôn được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động giáo dục chung của nhà trường nên luôn được nhà trường quan tâm và chỉ đạo sát sao. Kế hoạch và chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi được xây dựng cụ thể phù hợp với từng bộ môn và được giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình thực hiện. Giáo viên phụ trách đội tuyển được lựa chọn là những giáo viên có trách nhiệm, có trình

độ chuyên môn cao, say mê, tâm huyết với công tác này. Kết quả thi học sinh giỏi các cấp liên tục trong nhiều năm luôn đứng đầu khối THPT trong toàn tỉnh.

- Điều kiện dạy và học, các chế độ thu hút đối với hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu của nhà trường luôn được chú trọng, một mặt là điều kiện cần, mặt khác là điều kiện đủ để động viên khích lệ, lôi cuốn đội ngũ tham gia, hàng năm nhà trường trích từ nguồn kinh phí chi cho hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi từ 60 đến 80 triệu đồng để hỗ trợ cho giáo viên, tổ chuyên môn; huy động và trao học bổng cho học sinh năng khiếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn từ 150 đến 200 suất với số tiền trên dưới 100 triệu đồng.

3. Điểm yếu

Mặc dù thành tích đạt được của đội tuyển học sinh giỏi qua các kỳ thi được giữ vững. Tuy nhiên một số bộ môn vẫn chưa ôn định, chưa có học sinh lọt vào đội tuyển dự thi cấp quốc gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được của công tác giáo dục học sinh có năng khiếu; quan tâm hỗ trợ, thực hiện đầy đủ các chế độ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, những học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	Toàn trường	Hàng năm		
Chỉ đạo các tổ chuyên môn nâng cao hơn nữa trong nội dung sinh hoạt chuyên môn, thảo luận sâu các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi, chú trọng chất lượng giờ dạy, nhạy bén trong phát hiện học sinh có năng khiếu để bồi dưỡng đặc biệt ở những môn nhiều năm không có học sinh tham gia. Thảo luận các biện pháp hỗ trợ học sinh yếu kém bộ môn.	HT, PHT, tổ chuyên môn	Thường xuyên		
Nâng cao hơn nữa chất lượng tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ năng khiếu về thể thao, nghệ thuật cho học sinh.	Đoàn TN, tổ Địa lí – GDTC – GD QPAN	Hàng năm		

Tiếp tục tổ chức tốt, thu hút học sinh tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, trò chơi dân gian.	Đoàn thanh niên	Thường xuyên		
Tăng cường đầu tư thêm các đầu sách tham khảo, kết hợp cùng thư viện tỉnh trong việc mượn các đầu sách hay phục vụ tốt công tác dạy và học của giáo viên và học sinh.	Thư viện	Hàng năm		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo hướng dẫn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 7/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo tiết quy định trong phân phối chương trình. Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử địa phương khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương Đắk Nông [H5-5.3-01], [H5-5.3-02];

b) Nhà trường sử dụng tài liệu giáo dục địa phương của các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông phát hành vào giảng dạy và đánh giá trong chương trình giáo dục địa phương. Qua đó, giúp học sinh hiểu biết thêm về văn hóa, lịch sử, kinh tế - xã hội của địa phương, khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H5-5.3-03], [H5-5.3-04];

c) Đầu mỗi năm học, khi xây dựng chương trình giáo dục, nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho sát với tình hình thực tế của địa phương trước khi thực hiện; tăng cường thảo luận về các chuyên đề có nội dung tích hợp giáo dục địa phương để các thành viên trong tổ góp ý, bổ sung và thực hiện giảng dạy cho phù hợp [H1-1.8-01], [H1-1.4-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Nội dung giáo dục địa phương đã góp phần thực hiện mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn, qua các tiết học (bài, module, chủ đề...) đã quy định dành cho giáo dục địa phương giúp học sinh tìm hiểu địa lí, khí hậu, đất đai, tài nguyên... của địa phương qua bộ môn Địa lí; tìm hiểu truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân địa phương, quá trình hình thành và phát triển của Tỉnh, các di tích, địa danh lịch sử địa phương ...qua bộ môn Lịch sử; tìm hiểu truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, cách giao tiếp ứng xử, ngôn ngữ của địa phương qua bộ môn Ngữ văn [H5-5.3-04], [H5-5.3-05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đặc biệt quan tâm đến chất lượng giảng dạy các bộ môn văn hóa và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, vì thế việc tích hợp các nội dung giáo dục địa phương trong các môn học cũng được chú trọng và tổ chức thường xuyên và chặt chẽ.

- Đa số học sinh có ý thức tham gia mọi hoạt động do nhà trường đề ra, tham gia nhiệt tình, tích cực.

- Chương trình, nội dung giáo dục địa phương đã góp phần tích cực trong phong trào xây dựng “trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương đã tạo cho các em niềm tự hào và tình cảm yêu mến sâu sắc đối với con người và mảnh đất quê hương. Từ đó tạo động lực cho học sinh học tập phấn đấu cống hiến cho địa phương và đất nước, nhiều em đã trưởng thành và giữ các cương vị chủ chốt ở địa phương.

3. Điểm yếu

Tài liệu về giáo dục địa phương còn hạn chế, việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương chủ yếu mang tính lý thuyết, chưa có điều kiện để tham quan thực tế nhiều hơn. Vì vậy, hiệu quả chưa được như mong đợi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Nhà trường tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo qui định. Đầu tư kinh phí để các tổ chuyên môn sưu tầm tài liệu giáo dục địa phương, phục vụ cho các tiết dạy đạt hiệu quả giáo dục cao. Cập nhật kịp thời tài liệu giáo dục địa phương của cấp trên ban hành, tham khảo và khai thác các nội dung về giáo dục địa phương thông qua sách	HT, PHT và các tổ chuyên môn	Hàng năm	Kinh phí chi thường xuyên, kinh phí huy động hợp pháp khác	

báo và tin tức của địa phương. Khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.				
Tiếp tục nghiên cứu đổi mới hình thức chuyển tải nội dung giáo dục địa phương có sức hấp dẫn hơn để học sinh tham gia một cách hứng thú, tự nguyện.	Tổ chuyên môn, giáo viên	Hàng năm		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5. 4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01], [H1-1.8-01];
- b) Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp theo kế hoạch, có sự phân công cụ thể cho giáo viên kiêm nhiệm, tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động ngoài giờ lên lớp gắn liền với các chủ đề, chủ điểm từng tháng dưới nhiều hình thức. Thực hiện giảng dạy tiết sinh hoạt hướng nghiệp cho cả 3 khối lớp, ngoài ra nhà trường còn kết hợp với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, tỉnh đoàn Đắk Nông tổ chức các buổi hướng nghiệp riêng cho học sinh khối 12 nhằm giúp các em có thêm kiến thức để đưa ra định hướng, lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân [H5-5.4-02], [H1-1.8-04];
- c) Nhà trường có sự phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Cụ thể:

- Thực hiện giảng dạy hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hướng nghiệp do 1 phó hiệu trưởng và Đoàn thanh niên phụ trách [H5-5.4-01].

- Giáo viên bộ môn thực hiện nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua môn học [H5-5.5-02].

- Giáo viên chủ nhiệm thực hiện tham gia quản lý và phụ trách nội dung các hoạt động được tổ chức trong phạm vi của lớp; các bộ phận khác chuẩn bị, giữ nền nếp,...đổi với các hoạt động tổ chức phạm vi rộng.

Mức 2:

a) Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên và các bộ phận phụ trách hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh và điều kiện cho phép của nhà trường như: Tổ chức thảo luận, tổ chức các trò chơi, tổ chức các câu lạc bộ, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, tổ chức sự kiện, hoạt động chiến dịch nhằm tạo sự hứng thú, lôi cuốn học sinh vào hoạt động [H5-5.4-05];

b) Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp định kỳ vào cuối năm, đề ra giải pháp cho năm học tiếp theo thực hiện tốt hơn [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

- Hàng năm nhà trường rất chú trọng trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp với lứa tuổi học sinh với nhiều hình thức góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cũng như rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh;

- Phân công cụ thể giáo viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đồng thời giám sát chặt chẽ việc thực hiện, sơ kết, tổng kết để đánh giá và điều chỉnh kịp thời;

- Phối hợp với các trường Cao đẳng, Đại học tư vấn hướng nghiệp cho học sinh

- Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hàng năm.

- Học sinh khi ra trường hầu hết xác định đúng ngành học, trường học và có điều kiện để phát huy năng lực, năng khiếu của bản thân.

3. Điểm yếu

- Nhà trường không có biên chế giáo viên chuyên trách, do đó hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn gặp một số khó khăn.

- Một số hình thức tổ chức trải nghiệm như tham quan dã ngoại, diễn đàn... còn khó khăn về kinh phí và thời gian.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
----------	-----------	-----------	-----------	---------

Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và triển khai có hiệu quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phù hợp với điều kiện cho phép.	Giáo viên được phân công	Hàng năm		
Cử giáo viên tham dự các lớp bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; khuyến khích giáo viên tự học, tự nghiên cứu; từng bước chuẩn bị các điều kiện khác như thời gian, kinh phí, con người để tổ chức đa dạng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường.	HT, giáo viên	Theo kế hoạch của cấp trên	Kinh phí chi thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

- a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;
- b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;
- c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

- a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;
- b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Công tác định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương luôn được nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện lồng ghép trong kế hoạch năm học [H5-5.5-01];

b) Hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường tổ chức thông qua các tình huống cụ thể, tổ chức lồng ghép trong các môn học, hoạt động tập thể và các hoạt động trải nghiệm: Giáo dục học sinh ý thức chấp hành luật giao thông, cách phòng tránh tai nạn giao thông qua môn học Giáo dục công dân, bài giảng

an toàn giao thông. Chú trọng các kỹ năng giao tiếp thiết yếu cho học sinh; kỹ năng ứng xử biết kiềm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm. Qua đó quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực;

c) Hoạt động giáo dục của nhà trường được xây dựng dựa trên các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp quản lý, tập trung vào mục tiêu chung cần đạt của giáo dục bậc THPT. Do đó đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh theo quy định của thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông. Kế hoạch kiểm tra luôn được nhà trường, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm thông báo đến học sinh cụ thể, kịp thời. Học sinh của nhà trường chủ động biết thông tin về số bài, hình thức, nội dung, các yêu cầu khác về từng bài kiểm tra của từng môn học, từ đó có sự chuẩn bị và ôn tập trước; được hướng dẫn đánh giá kết quả mỗi bài kiểm tra trong giờ trả bài của từng bộ môn; được hướng dẫn về cách đánh giá kết quả học tập và rèn luyện trong buổi học quy chế đầu năm và buổi họp cuối mỗi kỳ của lớp [H5-5.5-02];

b) Nhà trường luôn chỉ đạo đội ngũ giáo viên thực hiện đầy đủ các tiết dạy thực hành theo quy định, khuyến khích thực hiện đa dạng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm từng bước tăng khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh bao gồm việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề thuộc về nhận thức, vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất trong đời sống và sinh hoạt hàng ngày như làm bài thực hành, thí nghiệm, giải thích các hiện tượng tự nhiên,.. Học sinh của nhà trường đã tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, cuộc thi thực hành vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết tình huống thực tế dành cho học sinh cấp tỉnh, cấp quốc gia với kết quả đáng khích lệ. Điều đó cho thấy khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước được hình thành và phát triển [H5-5.5-03], [H5-5.5-04].

Mức 3:

Học sinh của nhà trường bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ dưới sự hướng dẫn của giáo viên, năm 2017 - 2018 có 02 sản phẩm, năm 2018 - 2019 có 02 có 02 sản phẩm, năm học 2019 – 2020 có 02 sản phẩm, năm học 2020 – 2021 có 3 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh, năm học 2021 – 2022 có 3 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh [H5-5.5-04], [H2-2.1-06].

2. Điểm mạnh

- Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện với sự phối kết hợp đồng bộ từ chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường đến nhận thức thực hiện của đội ngũ

trong nhà trường. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh là nội dung được đồng đảo học sinh và dư luận quan tâm, đồng thuận. Vì thế đã có sự phối kết hợp của học sinh, của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể với nhà trường trong hoạt động giáo dục này.

- Việc giáo dục kỹ năng cho học sinh được nhà trường tổ chức thực hiện tích hợp ở nhiều hoạt động chính khoá, hoạt động ngoài trời và qua các hoạt động xã hội. Trong các giờ lên lớp ở các môn học, nhà trường đã tạo thuận lợi cho giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục kỹ năng sống bằng PPDH và kỹ thuật dạy học tích cực, chủ động là giải pháp cơ bản mà đội ngũ nhà trường đã làm có hiệu quả.

- Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường được nâng lên, các chuẩn mực đạo đức của học sinh dần được bổ sung và hoàn thiện, học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt hàng năm chiếm tỷ lệ cao (trên 95%).

- Học sinh của nhà trường có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của bản thân và đánh giá lẫn nhau.

- Phối hợp với các trường đại học tổ chức hướng dẫn cho học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật cho học sinh.

3. Điểm yếu

- Sự phối hợp với gia đình trong việc rèn luyện kỹ năng các em ở một số giáo viên chủ nhiệm còn hạn chế.

- Một số giáo viên vẫn còn lúng túng trong việc lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống vào bài giảng, hoặc PPDH sử dụng để lồng ghép giáo dục chưa tích cực, còn gượng ép nên hiệu quả chưa cao.

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật chưa thật sự đa dạng, mới chỉ tập trung ở một số bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức của mọi thành viên trong nhà trường, trong CMHS và học sinh về tầm quan trọng của việc cần trang bị cho học sinh những kỹ năng sống cần thiết.	Nhà trường, Đoàn TN	Thường xuyên		
Thực hiện tốt chương trình giáo dục về kỹ năng sống lồng ghép trong các môn học trên lớp. Đổi mới PPDH một cách triệt để, đúng mục tiêu để thực hiện lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh có hiệu quả thông	Đoàn TN, tổ chuyên môn và giáo viên	Hàng năm		

qua con đường học tập. Nghiên cứu đổi mới cách tổ chức các chương trình hoạt động giáo dục NGLL như: sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đoàn để tuyên truyền các chủ đề về kỹ năng sống, hấp dẫn được học sinh tham gia vào việc rèn luyện kỹ năng sống một cách tự nguyện để nâng cao chất lượng giáo dục của hoạt động này cho học sinh. Coi trọng khâu rèn kỷ cương, nề nếp, tính tự giác, trung thực, tinh thần vượt khó, phát huy học sinh có năng khiếu, động viên các em đi vào lĩnh vực nghiên cứu.				
Đánh giá, xếp loại học sinh từng học kỳ và cả năm học lưu ý đến hành vi ứng xử, kỹ năng giải quyết những vấn đề học sinh thường gặp phải của lứa tuổi trong học tập và trong đời sống để có biện pháp giáo dục, biểu dương kịp thời gương người tốt việc tốt, có hành vi ứng xử văn hoá.	Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và Đoàn TN	Từng học kỳ và cuối năm học		
Cập nhật và lưu trữ các tài liệu đồng thời bổ sung thêm các nội dung mới trên tình hình thực tế của địa phương.	Nhà trường	Hàng năm		
Đa dạng việc huy động các nguồn vốn, đặc biệt là nguồn vốn xã hội hoá giáo dục để đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học và phát triển đề vận dụng vào thực tế.	HT, các đoàn thể, CMHS	Hàng năm	Nguồn kinh phí xã hội hóa và các nguồn kinh phí huy động khác.	
Chỉ đạo thực hiện đa dạng hoá hơn nữa các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nhất là các lĩnh vực gắn với thực tiễn địa phương.	HT, tổ chuyên môn	Hàng năm		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

- b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhìn chung kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh cuối năm của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trong giai đoạn từ 2017 - 2018 đến 2021 - 2022 chịu tác động của việc thay đổi phương thức, cách thức thi, công thức tính điểm; tình hình dịch bệnh Covid 19 đã tác động đến tình hình tỷ lệ tốt nghiệp đạt được của nhà trường ở một số năm có thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch đưa ra, tuy nhiên tỷ lệ này luôn cao hơn tỷ lệ chung của toàn tỉnh [H5-5.6-02];

c) Công tác phân luồng học sinh được nhà trường quan tâm, hằng năm thực hiện phương thức biên chế lớp theo năng lực học, theo định hướng phân ban (Ban khoa học tự nhiên và ban Khoa học xã hội), năm học 2019 - 2020 nhà trường có 76% học sinh theo học Đại học - Cao đẳng; 7% vào Trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; 8% vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo sơ cấp; 10% tham gia lao động sản xuất [H5-5.6-06].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh trong 05 năm.

Năm học	Số HS	Học lực					Hạnh kiểm			
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	Yếu
2017 - 2018	1122	159	541	353	69	0	907	186	27	2
2018 - 2019	1114	133	550	376	55	0	920	183	10	1
2019 - 2020	1144	143	544	407	50	0	996	141	7	0
2020 - 2021	1182	252	531	346	53	0	1007	166	9	0
2021 - 2022	1212	243	496	376	96	0	966	216	29	1

b) Số liệu về tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp trong 5 năm từ năm 2017 - 2018 đến 2021-2022:

Bảng số liệu:

Năm học	Số lượng HS	SL Tốt nghiệp	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
2017 - 2018	361	359	99.44	
2018 - 2019	377	364	96.55	
2019 - 2020	337	333	98.81	

2020 - 2021	371	370	99.73	
2021 - 2022	404	400	99.00	

Qua số liệu, cho thấy học sinh có học lực khá, giỏi của nhà trường có chuyển biến tích cực; học sinh có học lực yếu, nằm trong giới hạn cho phép của trường chuẩn quốc gia và có xu hướng giảm hàng năm.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh năm học 2021 – 2022.

Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi (%)	14.17	11.94	12.50	21.32	20.05
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá (%)	48.22	49.37	47.55	44.92	40.92
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình (%)	31.46	33.75	35.58	29.27	31.03
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém (%)	1.34	1.07	1.39	0.93	1.48
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt (%)	80.84	82.59	87.06	85.19	79.70
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá (%)	16.58	16.43	12.33	14.04	17.82
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình (%)	2.41	0.90	0.61	0.76	2.39
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu (%)	0.18	0.09	0.00	0.00	0.08

b) Về tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Nhà trường có số lượng học sinh bỏ học hàng năm dưới 1% cụ thể: năm học 2017 – 2018: 10 em, năm học 2018 – 2019: 6 em, năm học 2019 – 2020: 9 em, năm học 2020 – 2021: 10, em năm học 2021 – 2022: 8 em.

- Tỷ lệ học sinh lưu ban hàng năm dưới 1%. Cụ thể: năm học 2017 – 2018: 07 em, năm học 2018 – 2019: 06 em, năm học 2019 – 2020: 07 em, năm học 2020 – 2021: 10 em, năm học 2021 – 2022: 09 em.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường luôn xác định rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ cốt lõi, đóng vai trò then chốt quyết định đến sứ mệnh và thương hiệu của nhà trường,

do đó đã rất chú trọng trong xây dựng kế hoạch từng năm học, xác định rõ các chỉ tiêu, biện pháp thực hiện để nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm.

- Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp cơ bản đã đáp ứng mục tiêu đề ra, có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Tỷ lệ học sinh bỏ học, tỉ lệ lưu ban thấp hơn so với ngưỡng cho phép.

- Nhà trường đã thực hiện việc định hướng, phân luồng học sinh xuyên suốt trong quá trình giáo dục, đã tạo ra được sự phân luồng sau Tốt nghiệp THPT.

3. Điểm yếu

- Mặc dù nhà trường đã triển khai việc thống kê phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT qua nhiều kênh như: thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp, thông qua bộ phận phát trả thông báo trúng tuyển nhưng vẫn không nắm bắt được đầy đủ số liệu, vì việc khai báo của học sinh không đầy đủ và giấy báo trúng tuyển cũng không được gửi về qua một kênh duy nhất là nhà trường, do đó việc đánh giá công tác phân luồng học sinh còn chưa có độ chính xác tuyệt đối.

- Học sinh xếp loại học lực yếu phải thi lại còn tương đối cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thực hiện	Thời gian	Nguồn lực	Ghi chú
Tiếp tục duy trì kết quả đã đạt được và xây dựng kế hoạch chuyên môn hợp lý, phân công chuyên môn giáo viên phù hợp với năng lực để phát huy tốt hiệu quả giảng dạy. Tăng cường công tác giáo dục đạo đức học sinh; tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá nhằm duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng học lực, hạnh kiểm, tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THPT; tăng cường hơn nữa công tác dạy phụ đạo học sinh yếu	Toàn trường	Thường xuyên		
Tiếp tục quan tâm đặc biệt, tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Khen thưởng xứng đáng những giáo viên, học sinh có thành tích tốt trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi để có nhiều học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp	Nhà trường, tổ chuyên môn, giáo viên và CMHS	Thường xuyên		

khu vực và cấp quốc gia. Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để động viên, khích lệ các em học sinh có thành tích cao trong học tập. Bản thân các giáo viên dạy đội tuyển không ngừng tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng được yêu cầu của công việc.				
Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN làm tốt công tác quản lý lớp, kịp thời động viên những học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, học sinh có nguy cơ bỏ học, tạo mọi điều kiện cho các em đến lớp, phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể ở địa phương chống bỏ học để đạt tỷ lệ không quá 1%.	HT, GVCN, CMHS và địa phương	Thường xuyên		
Duy trì các biện pháp giáo dục hạnh kiểm và nâng cao chất lượng học tập cho học sinh, chú trọng nhiều hơn nữa chất lượng mũi nhọn, có biện pháp hạ thấp tỷ lệ học sinh xếp loại học lực yếu.	Tổ chuyên môn, giáo viên	Thường xuyên		
Cải tiến công tác thống kê phân luồng học sinh.	Nhà trường	Hàng năm		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

- Chương trình, kế hoạch giáo dục được triển khai đúng chủ đề, chủ điểm năm học và đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT có điều chỉnh trong việc thực hiện cho phù hợp với thực tiễn nhà trường.

- Hàng năm nhà trường đều đạt và vượt các chỉ tiêu về chất lượng của hoạt động giáo dục theo kế hoạch xây dựng đầu năm học. Lãnh đạo đã quan tâm đôn đốc kiểm tra các hoạt động giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

- Kết quả giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh cũng như tỷ lệ học sinh tốt nghiệp được giữ ổn định đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và chuyển biến tích cực trong 05 năm học liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, tập trung giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống nâng cao nhận thức về giáo dục địa phương cho học sinh.

- Nhà trường bước đầu đã có sự rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, do năng lực học sinh đầu vào chưa đồng đều nên khi kết thúc năm học vẫn còn một số học sinh có học lực yếu phải kiểm tra lại.

- Việc đánh giá công tác phân luồng học sinh còn chưa có độ chính xác tuyệt đối.
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 3: 4/4 tiêu chí chiếm 100%

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Ghi chú
5.1	Đạt	Đạt	Đạt	
5.2	Đạt	Đạt	Đạt	
5.3	Đạt	Đạt	-	
5.4	Đạt	Đạt	-	
5.5	Đạt	Đạt	Đạt	
5.6	Đạt	Đạt	Đạt	

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- Không đạt: 3/6 tiêu chí chiếm 50%

- Đạt: 3/6 tiêu chí chiếm 50%

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trường THPT Trần Hưng Đạo, tỉnh Đắk Nông đã khẳng định vị trí của mình trong nhiều năm qua về chất lượng giáo dục, là nơi được CMHS và xã hội đặt niềm tin lớn. Tuy vậy, nhà trường không tự mãn với kết quả trên vì cũng còn nhiều bất cập cần phải phấn đấu nhiều hơn nữa. Nhà trường nêu lên những điểm mạnh nổi bật, những điểm yếu cơ bản và hướng khắc phục những điểm yếu như sau:

1. Điểm mạnh:

- Trong 5 năm qua, được sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông, sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ nhà trường, CBGVNV và học sinh trường THPT Trần Hưng Đạo ra sức thi đua dạy tốt, học tốt. Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy, số lớp học, số học sinh, các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn cơ sở, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác và các Hội đồng trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật Nhà nước.

- Chiến lược phát triển của nhà trường được xác định rõ ràng bằng văn bản, thể hiện được thực trạng giáo dục của nhà trường, các chỉ tiêu phấn đấu và các giải pháp thực hiện mang tính khả thi, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định trong Luật Giáo dục, phù hợp với tình hình địa phương và các nguồn nhân lực của nhà trường.

- Đội ngũ CBGVNV có trình độ chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có năng lực điều hành quản lý tốt. Đội ngũ giáo viên của nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng, kinh nghiệm giảng dạy tốt. Công tác học tập, bồi dưỡng, dự giờ, hội giảng ngày càng được đẩy mạnh và nâng cao. Nhà trường luôn quan tâm, động viên và tạo điều kiện thuận lợi cho CBGVNV trong công việc. Đây là động lực giúp các thành viên trong nhà trường yên tâm công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, mỗi đoàn kết nội bộ trong nhà trường được xây dựng và củng cố bền chặt hơn.

- Nhà trường có điều kiện CSVC cơ bản đáp ứng được các yêu cầu cho các hoạt động giáo dục. Khuôn viên, cổng trường, sân chơi, bãi tập theo quy định của Điều lệ trường Trung học. Có đầy đủ phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh; có khối phòng phục vụ học tập, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý và dạy học. Có công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động giáo dục. Thư viện đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của CBGVNV và học sinh; đặc biệt hệ thống thiết bị công nghệ thông tin của nhà trường khá đầy đủ, có nối mạng internet 100%, từ đó việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy cũng như trong công việc rất thuận lợi.

- Trường có Ban đại diện CMHS tâm huyết, làm việc nhiệt tình, có trách nhiệm; các tổ chức, đoàn thể ở địa phương luôn gắn kết với nhà trường trong công tác giáo dục. Đồng thời nhà trường đã làm tốt trách nhiệm của mình trong công tác đền ơn đáp nghĩa, giáo dục học sinh hiểu biết về lịch sử dân tộc, lịch sử và văn hóa địa phương. Nhiều năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của ngành và chương trình giáo dục của nhiệm vụ từng năm học. Thực hiện nghiêm túc chương trình và kế hoạch giáo dục của Bộ GD&ĐT, các quy định chuyên môn của các cơ quan

quản lý giáo dục. Tổ chức được các hoạt động văn hóa, thể thao với sự tham gia tích cực của học sinh, đồng thời chú trọng công tác rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu của các chỉ số theo chuẩn quy định.

Nhìn chung, trong những năm học qua trường THPT Trần Hưng Đạo đã có chuyển biến tích cực về nhiều mặt: CSVC được đầu tư xây dựng đảm bảo yêu cầu của trường chuẩn Quốc gia; thiết bị ứng dụng CNTT và dạy học được trang bị đầy đủ; chất lượng đội ngũ được nâng lên đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới; chất lượng giáo dục toàn diện, phong trào học sinh giỏi có sự tiến bộ rõ nét; các hoạt động giáo dục NGLL, hoạt động giáo dục kỹ năng sống được duy trì tổ chức thực hiện có hiệu quả. Nhìn lại quá trình xây dựng và phát triển của nhà trường, từ một nhà trường thiếu thốn về CSVC và trang thiết bị dạy học, chất lượng học lực và phong trào mũi nhọn còn nhiều hạn chế. Đến nay, trường THPT Trần Hưng Đạo đã có sự chuyển mình lớn và khẳng định được vị trí của mình trong ngành GD&ĐT Đắk Nông, đáp ứng được sự mong đợi của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân huyện Đắk Mil, trường luôn nằm ở top đầu của khối THPT toàn tỉnh trong nhiều năm liên.

2. Điểm yếu:

- Hoạt động của Ban đại diện CMHS ở một số lớp còn hạn chế; việc tuyên truyền để tăng thêm hiểu biết trong cộng đồng về nội dung và phương pháp dạy học thực hiện chưa mạnh; công tác giáo dục truyền thống địa phương nội dung chưa phong phú đây là những hạn chế cần khắc phục sớm để nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường;

- Chất lượng các hoạt động giáo dục trong nhà trường tuy có chuyển biến tích cực nhưng hiệu quả đồng đều giữa các bộ môn, chất lượng học sinh giỏi chưa có tính bền vững.

- CSVC trang thiết bị phục vụ dạy học tuy có đầu tư nhưng chưa đồng bộ, một số hạng mục công trình, thiết bị dạy học xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa có kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp.

- Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường có nhiều cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, nhưng hiệu quả và tính sáng tạo trong một số hoạt động chưa cao, công tác tham mưu với lãnh đạo nhà trường còn hạn chế.

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ đảm bảo theo quy định, tuy nhiên công tác tự học nâng chuẩn của một số bộ môn chưa thật sự chú trọng, tỉ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn vẫn còn thấp.

- Việc đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng CNTT vào dạy học, chưa đồng đều ở tất cả các bộ môn và tất cả các tiết học, dẫn đến hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học chưa cao.

3. Khái quát những định hướng lớn trong chiến lược phát triển nhà trường những năm đến:

- Tập trung đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh chất lượng học sinh giỏi, chất lượng mũi nhọn, tạo uy tín nhà trường trong địa phương, thu hút học

sinh đến trường; tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục an toàn, chất lượng ngày một phát triển bền vững.

- Cùng cố hoạt động các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, xây dựng các tổ chức đoàn thể trong trường thành một hệ thống chính trị vững mạnh thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước; xây dựng đội ngũ vững về chuyên môn, chính trị đáp ứng với yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục.

- Tập trung xây dựng kế hoạch đầu tư thêm CSVC để đảm bảo các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia một cách bền vững, tạo niềm tin trong nhân dân và đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh trong thời kỳ mới.

- Chủ động trong hội nhập các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và thế giới, có kế hoạch phù hợp với chủ trương về cải cách giáo dục của Đảng, Nhà nước, Ngành.

Căn cứ vào Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn Quốc gia của cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Hướng dẫn số 5932/BGDĐT- QLCL, ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Hội đồng tự đánh giá trường THPT Trần Hưng Đạo đã đánh giá đủ 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí mức độ 1 và 2; 20 tiêu chí mức độ 3 và 6 tiêu chí mức độ 4. Kết quả thống kê như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0%
- + Đạt Mức 1: 28/28 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 2: 28/28 tiêu chí chiếm 100%
- + Đạt Mức 3: 20/20 tiêu chí chiếm 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- + Không đạt: 3/6 tiêu chí chiếm 50%
- + Đạt: 3/6 tiêu chí chiếm 50%

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ GD&ĐT.

Trường THPT Trần Hưng Đạo tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục **cấp độ 3** và trường Chuẩn quốc gia đạt **mức độ 2**.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường THPT Trần Hưng Đạo về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia trường trung học. Hội đồng tự đánh giá trường THPT Trần Hưng Đạo kính mong được cơ quan chủ quản, cấp uỷ, chính quyền địa phương, các thành viên trong

Đoàn đánh giá ngoài tư vấn, đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Đăk Mil, ngày 02 tháng 12 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Phụ lục 4
Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đăk Mil;	Nhiệm kỳ 2015 – 2020, 2021 - 2025	Huyện uỷ Đăk Mil	
	2	[H1-1.1-02]	Sổ nghị quyết của nhà trường và Hội đồng trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường;	Giai đoạn 2015 - 2020	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.1-04]	Đường dẫn truy cập vào trang điện tử của trường có đăng tải nội dung chiến lược;		Thư ký	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường; Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng; các Hội đồng khác;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Sở GD&ĐT, Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	2	[H1-1.2-02]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hội đồng trường, các HĐ khác	
	3	[H1-1.2-03]	Nghị quyết của nhà trường, của Hội đồng trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hội đồng trường, các HĐ khác	
	4	[H1-1.2-04]	Quy chế hoạt động HĐ khác của nhà trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hội đồng trường, các HĐ khác	
	5	[H1-1.2-05]	Các biên bản kiểm tra liên quan của các cơ quan chức năng (nếu có);	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Sở GD&ĐT, Huyện uỷ Đăk Mil	
	1	[H1-1.3-01]	Quyết định thành lập Chi bộ, Nghị quyết và các báo cáo của chi bộ nhà trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Huyện uỷ Đăk Mil, Chi bộ	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.3	2	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y Công đoàn; Đoàn thanh niên;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Công đoàn GD Đắk Nông, Huyện đoàn	
	3	[H1-1.3-03]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Chi bộ, Công đoàn, Đoàn TN	
	4	[H1-1.3-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Chi bộ, Công đoàn, Đoàn TN	
	5	[H1-1.3-05]	Kết quả đánh giá xếp loại của tổ chức cơ sở Đảng hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Huyện uỷ Đắk Mil	
	6	[H1-1.3-06]	Giấy chứng nhận, giấy khen của Đảng bộ huyện Đắk Mil, Đảng bộ tỉnh Đắk Nông và của các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Huyện uỷ Đắk Mil, CĐ ngành, Huyện đoàn, Tỉnh đoàn	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Giám đốc Sở GD&ĐT	
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng, sổ biên bản;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	4	[H1-1.4-04]	Kết quả các đề tài nghiên cứu KHSPUD/SKKN;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	5	[H1-1.4-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	6	[H1-1.4-06]	Các chuyên đề của tổ chuyên môn;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Tổ chuyên môn	
	7	[H1-1.4-07]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Tổ chuyên môn	
	8	[H1-1.4-08]	Bảng khen, giấy khen hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền về công tác chuyên môn;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Các cấp khen thưởng	
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H1-1.5-03]	Sổ gọi tên, ghi điểm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	4	[H1-1.5-04]	Thống kê tỷ lệ học sinh toàn trường, theo khối và từng lớp;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hệ thống sổ sách nhà trường theo Điều lệ trường Trung học.	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	2	[H1-1.6-02]	Kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H1-1.6-03]	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	4	[H1-1.6-04]	Biên bản kiểm kê CSVC, tài sản hàng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	5	[H1-1.6-05]	Biên bản, thông báo, kết luận của Sở Giáo dục và Đào tạo về kiểm tra tài sản, tài chính;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Sở GD&ĐT Đắk Nông	
	6	[H1-1.6-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tài chính; báo cáo công khai tài chính hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	7	[H1-1.6-07]	Sổ quản lý tài chính;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ chứng minh nguồn tài chính đã huy động được;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	9	[H1-1.6-09]	Phần mềm quản lý quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch năm học;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H1-1.7-03]	Biên bản Hội nghị CBCCVV hàng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Thư ký	
	4	[H1-1.7-04]	Bảng phân công nhiệm vụ cho CBGV hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Tổ CM, Văn phòng	
	5	[H1-1.7-05]	Bảng phân công nhiệm vụ cho NV hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.7-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của công đoàn;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Công đoàn	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	7	[H1-1.7-07]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	8	[H1-1.7-08]	Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	9	[H1-1.7-09]	Hồ sơ quy hoạch cán bộ;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Giáo viên	
	2	[H1-1.8-03]	Biên bản kiểm tra, rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường (Sổ ghi biên bản);	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H1-1.8-04]	Sổ ghi đầu bài, thời khoá biểu;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	4	[H1-1.8-05]	Biên bản kiểm tra của các cấp (nếu có);	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Các cấp	
	5	[H1-1.8-06]	Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ của nhà trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	2	[H1-1.9-02]	Nghị quyết Hội nghị CBCCVC;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Thư ký	
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Ban thanh tra nhân dân	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường;	Năm học 2020 - 2021	Chi bộ	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	2	[H1-1.10-02]	Hợp đồng nhân viên bảo vệ nhà trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H1-1.10-03]	Hệ thống Camera an ninh trường học;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	4	[H1-1.10-05]	Hòm thư góp ý của nhà trường; Số điện thoại đường dây nóng của trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	5	[H1-1.10-06]	Giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Cantin	
	6	[H1-1.10-07]	Hồ sơ kỷ luật học sinh;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hội đồng kỷ luật	
	7	[H1-1.10-08]	Quy chế phối hợp với Công an có nội dung liên quan; Phương án PCCC, CNCH;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	8	[H1-1.10-09]	Các hình ảnh, tư liệu các buổi tuyên truyền dưới cờ;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Đoàn thanh niên	
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Các loại bằng cấp về chuyên môn, quản lý, chính trị, tin học, ngoại ngữ của HT, PHT;	Theo thời gian cấp	Hồ sơ cá nhân	
	2	[H2-2.1-02]	Biên bản lấy ý kiến của GV, NV góp ý về công tác quản lý của nhà trường hàng năm (sổ ghi biên bản);	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú	
	3	[H2-2.1-03]	Chứng nhận, chứng chỉ đã qua các lớp BD chuyên môn, nghiệp vụ của HT, Phó HT;	Theo thời gian cấp	Hồ sơ cá nhân		
	4	[H2-2.1-04]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn HT;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo		
	5	[H2-2.1-05]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn Phó HT;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo		
	6	[H2-2.1-06]	Hồ sơ thi đua;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo		
	7	[H2-2.1-07]	Bằng khen, giấy khen của HT, PHT (nếu có);	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Các cấp khen thưởng		
	Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	
		2	[H2-2.2-02]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
3		[H2-2.2-03]	Kết quả đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo		
4		[H2-2.2-04]	Danh sách giáo viên đạt trình độ trên chuẩn;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường		
5		[H2-2.2-05]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp và xếp loại viên chức;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo		
6		[H2-2.2-06]	Đề tài SKKN/NCKHSPUD của giáo viên;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Giáo viên		

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	2	[H2-2.3-02]	Bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H2-2.3-03]	Kết quả đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	4	[H2-2.3-04]	Chứng chỉ, BD, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ nhân viên;	Theo hồ sơ cá nhân	Hồ sơ cá nhân	
	5	[H2-2.3-05]	Quyết định khen thưởng của các cấp;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Các cấp khen thưởng	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Kết quả đánh giá xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	2	[H2-2.4-02]	Nội quy học sinh;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất;	BS 337859, ngày 31/12/2013	UBND tỉnh Đắk Nông	
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh về khuôn viên trường;			
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh về cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh;			
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh về khu sân chơi, bãi tập;			
	5	[H3-3.1-05]	Sơ đồ tổng thể nhà trường;			

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng học, bàn ghế học sinh và trang trí trong phòng học;			
	2	[H3-3.2-02]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng học bộ môn;			
	3	[H3-3.2-03]	Các tư liệu, hình ảnh về phòng hoạt động Đoàn thanh niên, thư viện và phòng truyền thống;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022		
	4	[H3-3.2-04]	Các tư liệu, hình ảnh có liên quan về khối phục vụ học tập;			
	5	[H3-3.2-05]	Bảng thống kê số liệu học sinh toàn trường hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	6	[H3-3.2-06]	Kế hoạch quản lý và sử dụng cơ sở vật chất;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh về khối hành chính - quản trị: Văn phòng trường, phòng HT, PHT, HC-QT, y tế, bảo vệ, nhân viên;			
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh về phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thông, phòng Đoàn;			
	3	[H3-3.3-03]	Hình ảnh về khu để xe của CBGVNV và HS;			
	4	[H3-3.3-04]	Hình ảnh nhà công vụ;			
	5	[H3-3.3-05]	Hình ảnh Căntin;			

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh về các khu vệ sinh của giáo viên và học sinh;			
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh về hệ thống thoát nước của trường;			
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng cung cấp nước uống tinh khiết;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	4	[H3-3.4-04]	Kế hoạch lao động, vệ sinh môi trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	5	[H3-3.4-05]	Hình ảnh về xử lý rác thải của trường;	Năm học 2020 - 2021	Kiểm tra thực tế	
	6	[H3-3.4-06]	Hóa đơn thanh toán tiền điện, nước, thu gom rác thải hàng tháng;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	7	[H3-3.4-07]	Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Các đoàn kiểm tra	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục các thiết bị dạy học;	Theo tổ chuyên môn	Tổ chuyên môn	
	2	[H3-3.5-02]	Bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hàng năm; Hóa đơn sửa chữa các thiết bị;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	3	[H3-3.5-03]	Hợp đồng kết nối internet; Hóa đơn thanh toán tiền internet hàng tháng;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
	4	[H3-3.5-04]	Sổ theo dõi sử dụng thiết bị;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Tổ chuyên môn	
	5	[H3-3.5-05]	Thống kê danh mục đồ dùng dạy học GV tự làm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Tổ chuyên môn	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	6	[H3-3.5-06]	Sổ tài sản cố định;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Kế toán	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Thống kê số lượng sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu của thư viện trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Cán bộ Thư viện	
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch mua sắm bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Cán bộ Thư viện	
	3	[H3-3.6-03]	Kế hoạch kiểm kê thư viện hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Cán bộ Thư viện	
	4	[H3-3.6-04]	Hồ sơ thư viện đạt chuẩn và Quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn trở lên;		Cán bộ Thư viện Sở GD&ĐT	
	5	[H3-3.6-05]	Quyết định công nhận thư viện Tiên tiến trở lên;	Đang đề xuất thẩm định		
	6	[H3-3.6-06]	Hồ sơ quản lý thư viện;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Cán bộ Thư viện	
	7	[H3-3.6-07]	Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Cán bộ Thư viện	
	8	[H3-3.6-08]	Hình ảnh thư viện;	Hàng năm	Cán bộ Thư viện	
	1	[H4-4.1-01]	Sổ ghi biên bản, danh sách Ban đại diện CMHS hàng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Ban đại diện CMHS	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 4.1	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS trường hàng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Ban đại diện CMHS	
	3	[H4-4.1-03]	Danh sách các tổ chức, cá nhân tài trợ tài chính, cơ sở vật chất mà Ban đại diện CMHS trường đã huy động được;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Ban đại diện CMHS	
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện CMHS;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Ban đại diện CMHS	
	5	[H4-4.1-05]	Biên bản họp Ban đại diện CMHS trường và các lớp;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Ban đại diện CMHS	
	6	[H4-4.1-06]	Các văn bản, tư liệu, hình ảnh có liên quan;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Ban đại diện CMHS	
	7	[H4-4.1-07]	Biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền (nếu có);	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Sở GD&ĐT	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hình ảnh về công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	2	[H4-4.2-02]	Các văn bản, hình ảnh tư liệu về hoạt động, lễ hội, sự kiện có liên quan;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	3	[H4-4.2-03]	Giấy chứng nhận cơ quan đạt cơ quan văn hóa;		UBND huyện Đắk Mil	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Sổ ghi chép nội dung các nội dung sinh hoạt chuyên môn và dự giờ;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Tổ chuyên môn	
	2	[H5-5.1-02]	Phân phối chương trình;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Thư ký	
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch dạy học;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Thư ký	
	4	[H5-5.1-04]	Bảng tổng hợp kết quả giáo dục học sinh;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Thư ký	
	5	[H5-5.1-05]	Các chuyên đề báo cáo, sáng kiến kinh nghiệm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Giáo viên	
	6	[H5-5.1-06]	Các Bằng khen, Giấy khen dành cho GV, HS năng khiếu;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Cấp khen thưởng	
	7	[H5-5.1-07]	Kế hoạch kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	8	[H5-5.1-08]	Kế hoạch thi chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	9	[H5-5.1-09]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	10	[H5-5.1-10]	Kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	11	[H5-5.1-11]	Hướng dẫn xây dựng PPCT;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	2	[H5-5.2-02]	Kết quả thi học sinh giỏi văn hóa, thể thao, văn nghệ cấp huyện, cấp tỉnh,...	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H5-5.2-03]	Danh sách học sinh hưởng trợ cấp theo quy định;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Cấp khen thưởng	
	4	[H5-5.2-04]	Các Giấy khen dành cho GV, HS năng khiếu;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Cấp khen thưởng	
	5	[H5-5.2-05]	Quyết định cấp học bổng, miễn giảm cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh giỏi;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương cho học sinh của nhà trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	2	[H5-5.3-02]	Phân phối chương trình các môn có nội dung giáo dục địa phương;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H5-5.3-03]	Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương được phê duyệt;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Sở GD&ĐT	
	4	[H5-5.3-04]	Giáo án giảng dạy nội dung giáo dục địa phương của giáo viên;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Giáo viên	
	5	[H5-5.3-05]	Hình ảnh học sinh tham quan nhà ngục Đắk Mil, Đồi E729;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Giáo viên	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch giảng dạy các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường, của Đoàn;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch tổ chức thực hiện giảng dạy các nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	3	[H5-5.4-03]	Biên bản các cuộc họp triển khai giảng dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (sổ ghi biên bản);	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Thư ký	
	4	[H5-5.4-04]	Thống kê số lượng và hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong từng học kỳ và cả năm học;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	5	[H5-5.4-05]	Các tư liệu, hình ảnh có liên quan đến tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
	2	[H5-5.5-02]	Sổ ghi chép kế hoạch giảng dạy, ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Giáo viên	
	3	[H5-5.5-03]	Các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh để vận dụng kiến thức vào thực tiễn;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Học sinh, giáo viên	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H5-5.5-04]	Thành tích của học sinh trường trong các cuộc thi nghiên cứu KHKT;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	5	[H5-5.5-05]	Các hình ảnh, tư liệu liên quan;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	2	[H5-5.6-02]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hằng năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	3	[H5-5.6-03]	Sổ theo dõi học sinh lưu ban, bỏ học;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	4	[H5-5.6-04]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh bỏ học qua các năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	5	[H5-5.6-05]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh lưu ban qua các năm;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	
	6	[H5-5.6-06]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh thi đỗ vào trường ĐH, CĐ, TC;	Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022	Dữ liệu nhà trường	